

TÌNH HUỐNG THỰC TẬP ĐỐI VỚI SINH VIÊN KHÓA 41 KHOA LUẬT THƯƠNG MẠI

(Thực hiện Mục 2a, Thông báo số 282/ĐHL-ĐTCQ ngày 10/4/2020 về giải pháp khắc phục đối với sinh viên bị tạm ngưng thực tập do phòng, chống dịch Covid-19)

I. BỘ MÔN LUẬT THƯƠNG MẠI

TÌNH HUỐNG 01

1. Tên tình huống

Xây dựng quy trình và soạn thảo hồ sơ thành lập doanh nghiệp xã hội đào tạo nghề cho trẻ em, người lang thang

2. Nội dung tình huống

- Trung tâm bảo trợ xã hội Thiên Phúc có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh, là một cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập chăm sóc trẻ em, người lang thang, cơ nhỡ.
- Công ty cổ phần Phong Duy có trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh, kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống.
- Công ty cổ phần Phong Duy muốn góp vốn cùng với Trung tâm bảo trợ xã hội Thiên Phúc thành lập một *doanh nghiệp xã hội mở trường đào tạo nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn ở bậc trung cấp cho trẻ em, người lang thang, cơ nhỡ tại thành phố Hồ Chí Minh.*

STT	CÁC YÊU CẦU	THANG ĐIỂM
1	Xây dựng phương án thực hiện: <ul style="list-style-type: none">- Sinh viên mô tả các hình thức góp vốn có thể thực hiện giữa Công ty cổ phần Phong Duy và Trung tâm bảo trợ xã hội Thiên Phúc để thực hiện nội dung tình huống trên.- Với mỗi phương án, sinh viên cho biết những ưu	2

	điểm và hạn chế, từ đó đề xuất phương án tối ưu nhất.	
2	<p>Triển khai thực hiện phương án mà sinh viên đề xuất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức chung: <ul style="list-style-type: none"> + Sinh viên vận dụng các quy định pháp luật có liên quan đến Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Giáo dục, pháp luật về bảo trợ xã hội... để xây dựng quy trình thực hiện và soạn thảo hồ sơ. + Sinh viên lưu ý các vấn đề pháp lý liên quan đến góp vốn, đại diện, chuyển đổi/thành lập doanh nghiệp xã hội, ngành nghề kinh doanh, điều kiện thành lập cơ sở giáo dục... 	4
3	<ul style="list-style-type: none"> - Về nội dung trong quy trình thực hiện, sinh viên cần mô tả cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Các giai đoạn chính và mục tiêu của mỗi giai đoạn. + Các loại văn bản trong hồ sơ ở mỗi giai đoạn mà người đăng kí thành lập cần phải chuẩn bị. Sinh viên soạn thảo các hồ sơ này tương ứng với từng giai đoạn. + Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục và lệ phí ở mỗi bước. + Cơ sở pháp lý ở mỗi bước. 	3
4	<ul style="list-style-type: none"> - Về hình thức: <ul style="list-style-type: none"> + Hình thức của hồ sơ cần tuân thủ đúng mẫu, thể thức theo quy định pháp luật, bao gồm cả việc tuân thủ theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về công tác văn thư. + Bài tiểu luận gồm có ba phần: (i) đề xuất phương án thực hiện, (ii) quy trình thực hiện, (iii) soạn thảo hồ sơ thực hiện. Trong đó, việc sắp xếp các hồ sơ theo từng giai đoạn thực hiện dự án. + Văn phong rõ ràng, mạch lạc, trong sáng. 	1
	TỔNG ĐIỂM	10

TÌNH HUỐNG 02

1. Tên tình huống:

Các khía cạnh pháp lý về thành lập và hoạt động trong công ty TNHH hai thành viên trở lên

2. Những yêu cầu đối với hình thức và nội dung của báo cáo

- Sinh viên hoàn tất báo cáo bằng hình thức văn bản (định dạng .doc) với fonts: Times New Roman; size: 13; Line spacing: Multiple: 1,2;
- Đối với các hồ sơ để thực hiện các thủ tục với cơ quan nhà nước, sinh viên hoàn tất việc điền đầy đủ các thông tin theo mẫu và nộp kèm với báo cáo dưới dạng phụ lục của báo cáo;
- Các nội dung liên quan đến tư vấn, sinh viên xác định và trình bày thứ tự theo từng vấn đề pháp lý một cách súc tích, rõ ràng;
- Báo cáo sẽ được đánh giá cao nếu sinh viên xác định và bình luận tốt những bất cập của pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt được chứng minh bằng các bản án hoặc các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Từng nội dung tương ứng với các tình tiết có thang điểm là 02 điểm [04 tình tiết với tối đa là 08 điểm], tuân thủ yêu cầu về hình thức 02 điểm.

3. Nội dung tình huống

Công ty TNHH Phương Đông

Tháng 02 năm 2016, các nhà đầu tư gồm ông An, Bình, Trường và bà Dung hợp tác kinh doanh với dự định thành lập Công ty TNHH Phương Đông có trụ sở đặt tại TP.HCM, kinh doanh mua bán thủy sản, vật tư ngành thủy sản với vốn điều lệ là 20 tỉ đồng. Theo thỏa thuận cam kết góp vốn: ông An góp 10 tỉ đồng bằng tiền mặt (50% vốn điều lệ của công ty); ông Bình góp một căn nhà được định giá 5 tỉ đồng (25% vốn điều lệ công ty); ông Trường góp kho bãi kinh doanh, một số thiết bị vật tư được định giá 1 tỉ đồng (5% vốn điều lệ công ty); và bà Dung góp 4 tỉ đồng bằng tiền mặt (20% vốn điều lệ công ty). Ngoài ra, Công ty TNHH Phương Đông được dự kiến thành lập với ông An làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, ông Bình làm Giám đốc và là đại diện theo pháp luật của công ty, ông Trường làm Trưởng phòng vật tư, kỹ thuật và bà Dung là Kế toán của Công ty.

Tình tiết 1

Ngày 20 tháng 02 năm 2016, ông Bình đến công ty luật ký hợp đồng dịch vụ để được tư vấn về việc thành lập Công ty TNHH Phương Đông. Là luật sư được phân công phụ trách vụ việc, anh/chị căn cứ vào các quy định pháp luật liên quan hãy thực hiện việc

tư vấn, chuẩn bị hồ sơ để thực hiện thủ tục thành lập doanh nghiệp cho khách hàng. [*dự kiến sinh viên thực hiện nội dung này trong khoảng 1 tuần*]

Tình tiết 2

Tháng 05 năm 2018, xuất phát từ nhu cầu cá nhân, bà Dung muốn chuyển nhượng phần vốn góp của mình để thu hồi vốn. Sau khi thông báo dự định của mình và đưa ra mức giá bán dự kiến (5 tỉ đồng) đối với phần vốn góp cho các thành viên khác, bà Dung nhận được thông báo là “không mua” từ các thành viên còn lại (ông An, ông Bình và ông Trường) do không có tiền thanh toán. Bà Dung sau đó đạt được thỏa thuận đồng ý mua phần vốn góp với giá 5 tỉ đồng từ ông Nakata quốc tịch Nhật Bản.

Ông Nakata và bà Dung muốn được tư vấn về các khía cạnh pháp lý liên quan đến giao dịch chuyển nhượng vốn này đồng thời ủy quyền cho anh/chị với tư cách là luật sư đại diện cho Ông và Bà hoàn tất các thủ tục pháp lý với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Anh/chị căn cứ các quy định pháp liên quan, hãy tư vấn và hoàn tất hồ sơ, thủ tục theo quy định của pháp luật. [*dự kiến sinh viên thực hiện nội dung này trong khoảng 1 tuần*]

Tình tiết 3

Sau một năm hoạt động từ khi có sự tham gia của ông Nakata, nội bộ Công ty Phương Đông phát sinh mâu thuẫn. Theo đó, Ông Nakata cho rằng ông Bình với tư cách là Giám đốc, điều hành công ty không có hiệu quả mà nguyên nhân chủ yếu là do sự hạn chế về năng lực. Do đó, ông Nakata hẹn gặp ông An tại trụ sở của Công ty Phương Đông và hai người đã thống nhất cách chức Giám đốc của Bình và bổ nhiệm ông Nakata làm Giám đốc. Các quyết định cách chức và bổ nhiệm Giám đốc đều do ông An ký tên với tư cách Chủ tịch Hội đồng thành viên. Cho rằng quyền lợi của mình bị xâm hại từ hành vi của Ông An và ông Nakata, ông Bình dự định khởi kiện ra tòa để bảo vệ quyền lợi của mình. Là người được ủy quyền để bảo vệ quyền lợi cho ông Bình, anh/chị hãy khảo sát, phân tích và cho quan điểm của mình về các căn cứ pháp lý cụ thể liên quan đến hành vi của ông An, ông Nakata mà anh/chị sẽ sử dụng để bảo vệ cho ông Bình trước tòa. [*dự kiến sinh viên thực hiện nội dung này trong khoảng 1 tuần*]

Tình tiết 4

Sau quá trình thương lượng và hòa giải thất bại giữa ông Bình, ông An và ông Nakata liên quan đến việc cách chức và bổ nhiệm Giám đốc. Ông Bình kiên quyết khởi kiện vụ án ra tòa để bảo vệ quyền lợi của mình. Là người bảo vệ quyền lợi của ông Bình, anh/chị hãy chuẩn bị hồ sơ và thực hiện việc khởi kiện theo quy định của pháp luật. [*dự kiến sinh viên thực hiện nội dung này trong khoảng 1 tuần*]

TÌNH HUỐNG 03

1. Tên tình huống

Thực tập ở vị trí trợ lý Luật sư nội bộ tại một công ty chuyên về dịch vụ và tư vấn các giải pháp tiếp thị (sau đây gọi là Công ty)

2. Nhiệm vụ thực tập

- 2.1 Tìm hiểu về doanh nghiệp nơi thực tập, ký Thỏa thuận bảo mật
- 2.2 Thực tập về cho ý kiến pháp lý trong hoạt động quản trị công ty
- 2.3 Thực tập về cho ý kiến pháp lý trong thực hiện hợp đồng với khách hàng
- 2.4 Viết Báo cáo thu hoạch từ quá trình thực tập

	Việc cần làm	Yêu cầu cụ thể	Thời hạn	Ghi chú
1	Tìm hiểu khái quát về Công ty (Đọc Điều lệ, Giới thiệu về Công ty, Sơ đồ tổ chức...)	Tìm kiếm thêm thông tin về Công ty (qua Internet) Viết Báo cáo tổng quan về Công ty	3 ngày làm việc	Có Điều lệ, Giới thiệu về Công ty bằng tiếng Anh kèm theo
2	Ký Thỏa thuận bảo mật với nội dung không tiết lộ các thông tin cần bảo mật về Công ty được biết trong quá trình thực tập	Soạn Thỏa thuận bảo mật	2 ngày làm việc	Có Chi tiết tình huống 1 kèm theo
3	Cho Ý kiến pháp lý về việc Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến,	Viết Ý kiến pháp lý	3 ngày làm việc	Có Chi tiết tình huống 2 kèm theo
4	Cho Ý kiến pháp lý về việc thưởng cho nhân viên Công ty bằng cổ phiếu Công ty	Viết Ý kiến pháp lý	2 ngày làm việc	Có Chi tiết tình huống 3 kèm theo
5	Cho Ý kiến pháp lý về việc thanh lý Hợp đồng dịch vụ với	Viết Ý kiến pháp lý	5 ngày làm việc	Có Hợp đồng dịch vụ, Văn bản của Đài truyền hình, có

	khách hàng			Chi tiết tình huống 4 kèm theo
6	Rà soát Hợp đồng dịch vụ	Viết Báo cáo rà soát Hợp đồng	2 ngày làm việc	Có Chi tiết tình huống 4 kèm theo
7	Viết báo cáo về những việc đã làm, những điều thu hoạch được	Viết Báo cáo thu hoạch từ quá trình thực tập	3 ngày làm việc	
Tổng cộng			20 ngày làm việc	

Chi tiết tình huống 1

Sinh viên thực tập ở vị trí trợ lý Luật sư nội bộ tại Công ty, được tiếp xúc với một số tài liệu, thông tin cần được bảo mật (hợp đồng ký với khách hàng...). Vì Công ty chưa có Quy chế bảo mật và Mẫu Thỏa thuận bảo mật, Luật sư nội bộ đề nghị Sinh viên thực tập soạn và ký Thỏa thuận bảo mật.

Bài tập nâng cao*: Soạn Quy chế bảo mật

Chi tiết tình huống 2

Trong bối cảnh dịch Covid 19, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty (nắm giữ 70% cổ phần, 30% cổ phần còn lại do 15 cổ đông là người quản lý, nhân viên Công ty nắm giữ) đang ở nước ngoài, muốn tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Hãy cho ý kiến pháp lý để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo đúng quy định của pháp luật.

Bài tập nâng cao*: Nếu 15 cổ đông là người quản lý, nhân viên Công ty nắm giữ 30% cổ phần trong Công ty ủy quyền cho 01 người dự họp Đại hội đồng cổ đông, liệu có thể họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có 02 người (trong đó 01 người đang ở nước ngoài)?

Chi tiết tình huống 3

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty (nắm giữ 70% cổ phần), căn cứ Kết quả kinh doanh năm 2019 của Công ty muốn với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

Hãy cho ý kiến pháp lý để thực hiện thưởng cho người quản lý, nhân viên Công ty bằng cổ phiếu Công ty theo đúng quy định của pháp luật.

Chi tiết tình huống 4

Công ty đã thực hiện Clip quảng cáo (TVC) cho Khách hàng nhưng không đủ điều kiện phát sóng, Khách hàng đã thanh toán 50% giá trị hợp đồng và không thanh toán 50% giá trị hợp đồng còn lại, đồng thời yêu cầu Công ty bồi thường thiệt hại do TVC không đủ điều kiện phát sóng.

Hãy cho ý kiến pháp lý về tình huống trên và đề xuất những việc cần làm để Công ty được thanh toán 50% giá trị hợp đồng còn lại.

Bài tập nâng cao*: Viết Thư đề nghị thanh toán gửi Khách hàng

Chi tiết tình huống 5

Công ty dự định ký Hợp đồng dịch vụ tương tự làm TVC với Khách hàng mới, hãy rà soát Hợp đồng dịch vụ đã ký (chỉ ra những vấn đề, rủi ro...) để hướng tới soạn Mẫu Hợp đồng dịch vụ nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi của Công ty.

Bài tập nâng cao*: Soạn Mẫu Hợp đồng dịch vụ

***Lưu ý: Bài tập nâng cao là tùy chọn, không bắt buộc**

TÌNH HUỐNG 04

1. Tên tình huống

Xây dựng quy trình, soạn thảo các bộ Hồ sơ phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng, kinh doanh dự án khu du lịch nghỉ dưỡng, giải trí và thương mại cao cấp của nhà đầu tư Singapore tại TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở liên doanh với 01 doanh nghiệp của Việt Nam.

2. Nội dung của tình huống

- Có một nhà đầu tư (là tổ chức kinh tế) của Singapore mong muốn đầu tư xây dựng, kinh doanh dự án tại TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Dự án là một khu phức hợp kết hợp giữa du lịch nghỉ dưỡng, resort tiêu chuẩn 5 sao, các khu vực vui chơi, giải trí, casino và các trung tâm thương mại - mua sắm cao cấp.
- Nhà đầu tư Singapore mong muốn hợp tác cùng với một doanh nghiệp của Việt Nam để cùng đầu tư thực hiện và khai thác dự án này trong thời hạn 50 năm (tính từ năm 2020).
- Vốn đầu tư của dự án dự kiến là 200 triệu USD theo tỷ giá lúc triển khai dự

3. Yêu cầu đối với sinh viên

Tiêu chí	Các yêu cầu cụ thể	Điểm đánh giá
1. Về kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả rõ các bước cụ thể để nhà đầu tư Singapore nhận được quyết định chủ trương đầu tư/cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - Mô tả rõ các bước trong thủ tục thành lập doanh nghiệp của nhà tư Singapore tại Việt Nam để triển khai, vận hành dự án trên cơ sở liên doanh với một doanh nghiệp trong nước. - Mô tả rõ các bước trong các thủ tục về sử dụng đất để thực hiện dự án, thủ tục xây dựng và các thủ tục về môi trường, quy hoạch... có liên quan. - Trình bày cách tìm kiếm, xây dựng các bộ hồ sơ để thực hiện các thủ tục trên. 	02 điểm
2. Về hình thức	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức của hồ sơ cần tuân thủ đúng mẫu biểu, thể thức theo quy định pháp luật. - Bài tiểu luận gồm có năm phần: (i) Tên đề tài, (ii) tóm tắt nội dung, (iii) đề xuất phương án thực hiện, (iv) quy trình thực hiện, (v) soạn thảo hồ sơ thực hiện. - Sắp xếp các hồ sơ theo từng giai đoạn thực hiện dự án. - Tiểu luận trình bày ngắn gọn, rõ ràng, sạch sẽ, không được tẩy xoá, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị (nếu có). - Sử dụng chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, giãn dòng đặt chế độ 1.2 lines; trên một mặt giấy trắng khổ A4 (210 x 297 mm), lề trên 2cm; lề dưới 2,5cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 2cm. 	02 điểm
3. Về nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Người thực tập phải vận dụng các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đất Đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường, Pháp luật về quy hoạch.... và các quy định riêng của địa phương (nếu có) để thực hiện xây dựng hồ sơ và các thủ tục cụ thể. 	06 điểm

	<p>- Người thực tập lưu ý các vấn đề pháp lý liên quan đến điều kiện và thủ tục đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư nước ngoài trong các cam kết WTO, Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA), Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Singapore...và pháp luật Việt Nam.</p> <p>- Người thực tập cần nắm các quy định về quản lý ngoại hối, chuyển tiền từ nước ngoài vào Việt Nam, biết được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết việc thực hiện các thủ tục có liên quan đến dự án, thời gian thực hiện và lệ phí ở mỗi bước (nếu có).</p>	
Tổng		10 điểm

TÌNH HUỐNG 05:

1. Tên tình huống

Điều kiện, quy trình và thủ tục pháp lý để nhà đầu tư có quốc tịch Trung Quốc mở nhà hàng tại Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nội dung tình huống

Bà X là nhà đầu tư có quốc tịch Trung Quốc. Bà X có nhu cầu mở một nhà hàng Trung Quốc tại Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể nhà hàng này sẽ kinh doanh dịch vụ ăn uống, bao gồm cả kinh doanh rượu.

Đây là lần đầu tiên bà X đầu tư vào Việt Nam, cho nên bà X đã ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với Công ty Luật TNHH Y (Công ty Y) để giúp bà thực hiện trọn gói các thủ tục pháp lý liên quan đến việc mở và vận hành nhà hàng. Ngoài ra, theo hợp đồng dịch vụ pháp lý, Công ty Y còn có trách nhiệm tư vấn cho bà X về vấn đề tổ chức, quản lý của cơ sở kinh doanh sau khi nhà hàng thành lập.

Giả sử sinh viên thực tập là một luật sư của Công ty Y và được công ty phân công thực hiện toàn bộ các công việc trong phạm vi công việc theo hợp đồng dịch vụ pháp lý, cụ thể là các công việc quan trọng sau:

(i) Soạn thảo văn bản tư vấn để tư vấn cho bà X về các vấn đề pháp lý liên quan đến việc mở nhà hàng và vấn đề tổ chức quản lý của cơ sở kinh doanh.

(ii) Xác định và chuẩn bị đầy đủ các bộ hồ sơ hợp lệ liên quan đến việc mở nhà hàng.

3. Các yêu cầu cụ thể và mức độ đánh giá

Sinh viên thực tập phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể sau:

3.1. Yêu cầu về kiến thức (3 điểm)

- Phải xác định được các vấn đề pháp lý phát sinh từ sự kiện mở nhà hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh của nhà đầu tư Trung Quốc.
- Phải xác định được các thủ tục pháp lý liên quan đến việc mở nhà hàng tại Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh của nhà đầu tư Trung Quốc.
- Chuẩn bị được các bộ hồ sơ hợp lệ liên quan đến việc mở nhà hàng của nhà đầu tư Trung Quốc.
- Tư vấn cụ thể về tổ chức, quản lý cơ sở kinh doanh sau khi mở nhà hàng.

3.2. Yêu cầu về kỹ năng (4 điểm)

- Kỹ năng tra cứu và tìm kiếm quy định pháp luật liên quan đến việc mở nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống tại Thành phố Hồ Chí Minh của nhà đầu tư Trung Quốc.
- Kỹ năng tìm kiếm thông tin liên quan đến quy trình, thủ tục, mẫu hồ sơ và vướng mắc hiện hữu trong thực tiễn về mở nhà hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Kỹ năng soạn thảo văn bản tư vấn cho khách hàng, kỹ năng vận dụng khối kiến thức lý thuyết vào hoạt động tư vấn.
- Kỹ năng xây dựng, hoạch định quy trình đầu tư kinh doanh dịch vụ ăn uống đối với nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Kỹ năng chuẩn bị và soạn thảo các bộ hồ sơ hợp lệ.
- Kỹ năng đề xuất, tiếp nhận và xử lý các yêu cầu cụ thể của khách hàng.

3.3 Yêu cầu về hình thức (3 điểm)

- Văn bản tư vấn phải đáp ứng chuẩn mực về hình thức của một văn bản tư vấn pháp luật trên thực tế, đặc biệt là các bộ phận cấu thành của một văn bản tư vấn; cách thức và thể thức trình bày văn bản tư vấn; văn phong trình bày văn bản tư vấn.
- Hồ sơ liên quan đến việc mở nhà hàng phải đáp ứng yêu cầu hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành và những yêu cầu cụ thể khác trên thực tế của cơ quan, cá nhân tiếp nhận hồ sơ.



II. BỘ MÔN LUẬT ĐẤT ĐAI – MÔI TRƯỜNG

Tình huống 1

Công ty K nhận chuyển nhượng nhiều khu đất nông nghiệp tại huyện LT tỉnh ĐN để thực hiện dự án kinh doanh bất động sản. Sau khi có đất, công ty K đã thuê các đơn vị thi công xây dựng san lấp mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật và phân lô thành đất nền xây dựng nhà ở để chuyển nhượng. Để khách hàng yên tâm, công ty K đã mời Thừa phát lại lập vi bằng cho mỗi lần giao dịch. Nhiều cá nhân đã nhận chuyển nhượng đất nền của công ty K nhưng sau đó không thể làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì bị cơ quan chức năng xác định là giao dịch không hợp pháp.

Yêu cầu: Hãy phân tích những vi phạm pháp luật trong tình huống nêu trên và đưa ra cách thức xử lý.

* **Tiêu chí đánh giá:** thang điểm 10

- Xác định bản chất vụ việc: 2đ
- Xác định đúng nội dung yêu cầu: 4đ
- Đưa ra được giải pháp: 2đ
- Nêu đầy đủ cơ sở pháp lý: 2đ

Tình huống 2

Công ty AZ được phê duyệt dự án chung cư thương mại AZ Sky cao 30 tầng tại Khu Đô thị X Quận Y, TP. H vào tháng 7/2015 với thời hạn thực hiện là 36 tháng. Tháng 7/2016, khi vừa làm xong phần móng, công ty đã ký “hợp đồng đặt cọc” khách hàng có nhu cầu mua nhà. Tiền đặt cọc tính bằng giá trị căn hộ và được thanh toán theo tiến độ. Theo hợp đồng đặt cọc, công trình sẽ xây xong phần thô vào quý II/2018, hoàn thiện và bàn giao nhà cuối năm 2018. Tuy nhiên, sau khi làm xong móng đến nay công trình vẫn chưa được tiếp tục thực hiện trong khi nhiều khách hàng đã thanh toán đến 90% giá trị căn hộ theo hợp đồng đặt cọc. Khách hàng không biết làm gì để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Yêu cầu: Hãy phân tích những vi phạm của công ty AZ trong vụ việc trên và hướng dẫn khách hàng của công ty AZ bảo vệ quyền lợi cho mình.

* **Tiêu chí đánh giá:** thang điểm 10

- Xác định bản chất vụ việc: 2đ
- Xác định đúng nội dung yêu cầu: 4đ
- Đưa ra được giải pháp: 2đ
- Nêu đầy đủ cơ sở pháp lý: 2đ

Tình huống 3

Hiện nay tại Tp. Hồ Chí Minh, một số dự án xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông bị chậm tiến độ như: dự án xây dựng tuyến tàu điện ngầm Metro số 1 Bến thành – Suối Tiên, dự án cầu Thủ Thiêm 2... Một trong các nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là

do giá đất bồi thường, chính sách hỗ trợ, bố trí tái định chưa đảm bảo quyền lợi cho người có đất bị thu hồi dẫn đến việc bồi thường, giải phóng mặt bằng chậm trễ.

Yêu cầu: Anh (chị) hãy:

1. *Trình bày các quy định pháp luật điều chỉnh về giá đất bồi thường, về hỗ trợ, tái định cư cho người có đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng đất để thực hiện các dự án xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông.*
2. *Yếu tố pháp lý nào ảnh hưởng đến việc xác định giá đất bồi thường và thực hiện hỗ trợ, tái định cư cho người có đất bị thu hồi?*
3. *Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy định về xác định giá đất bồi thường, về hỗ trợ, tái định cư nhằm đảm bảo quyền lợi cho người có đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng đất để thực hiện các dự án xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông.*

*** Tiêu chí đánh giá:** thang điểm 10

- Xác định và trình bày đúng quy định pháp luật: 3đ
- Phân tích yếu tố pháp lý ảnh hưởng: 4đ
- Đưa ra được đề xuất có giá trị tham khảo: 3đ

Tình huống 4

Công ty cổ phần đầu tư địa ốc X tại Tp. Hồ Chí Minh đang thực hiện dự án xây dựng nhà chung cư để bán tại Quận 2. Công ty đã khởi công xây dựng dự án. Để có vốn cho việc thực hiện dự án, Công ty mời các khách hàng mua nhà trong dự án theo hình ký “Văn bản thoả thuận” khi nhà ở chưa đủ điều kiện để ký hợp đồng mua bán. Theo đó, Công ty cung cấp cho khách hàng các dịch vụ bao gồm:

- Giới thiệu, cung cấp thông tin về sản phẩm của dự án.
- Giới thiệu, tư vấn về chính sách giá, chính sách ưu đãi, chính sách thương mại của chủ đầu tư áp dụng đối với bất động sản trong dự án phù hợp với nhu cầu của khách hàng.
- Hỗ trợ khách hàng đăng ký chọn mua bất động sản trong dự án khi bất động sản đủ điều kiện mở bán theo quy định của pháp luật.

Theo Văn bản thoả thuận, khách hàng sẽ thanh toán cho chủ đầu tư đợt đầu tiên là 30% giá bán căn hộ dự kiến tại thời điểm ký Văn bản thoả thuận. Cứ mỗi 2 tháng tiếp theo, khách hàng thanh toán tiếp cho chủ đầu tư 3% giá bán căn hộ dự kiến. Dự kiến sau 8 tháng kể từ ngày ký Văn bản thoả thuận, hai bên sẽ tiến hành ký kết Hợp đồng mua bán căn hộ hình thành trong tương lai. Toàn bộ số tiền khách hàng đã thanh toán được căn trù vào tiền mua căn hộ hình thành trong tương lai cho khách hàng khi hai bên ký Hợp đồng mua bán căn hộ.

Yêu cầu: Anh (chị) hãy:

1. *Đánh giá về vụ việc nêu trên.*

2. *Pháp luật về huy động vốn từ khách hàng mua nhà ở hình thành trong tương lai để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở hiện nay được quy định như thế nào?*
3. *Đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về huy động vốn từ khách hàng mua nhà ở hình thành trong tương lai.*

*** Tiêu chí đánh giá:** thang điểm 10

- Xác định và trình bày đúng quy định pháp luật: 3đ
- Phân tích yếu tố pháp lý ảnh hưởng: 4đ
- Đưa ra được đề xuất có giá trị tham khảo: 3đ

Tình huống 5

Bà Thủy và ông Phương thỏa thuận chuyển nhượng 55m² đất ở trên đường Phan Xích Long, phường 03, Quận Phú Nhuận, TP.HCM. Nguồn gốc sử dụng là công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất, đã được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Trên đất có một căn nhà cấp 3, diện tích xây dựng là 46m². Tuy nhiên, căn nhà này chưa có đăng ký quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà. Quá trình thương lượng, hai bên thỏa thuận chuyển nhượng bao gồm cả giá trị nhà và quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì không thể hiện có căn nhà trên đất, lý do là phần nhà này chưa có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà nên cơ quan công chứng không thể công chứng việc mua bán nhà trong hợp đồng nên trên. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này đã được công chứng đúng theo quy định. Trong thời gian hợp đồng chưa được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì bà Thủy đề nghị ông Phương đưa thêm tiền để bà hoàn thiện giấy tờ, thủ tục để đăng ký bổ sung căn nhà vào giấy chứng nhận. Ông Phương không đồng ý vì cho rằng 02 bên đã thỏa thuận giá cả rõ ràng từ đầu. Hai bên xảy ra tranh chấp và khởi kiện lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Yêu cầu:

1. *Giả sử, nếu ông Phương đồng ý thì bà Thủy có thể thực hiện thủ tục đăng ký bổ sung căn nhà vào Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được cấp hay không? Anh (chị) hãy tư vấn điều kiện, thủ tục thực hiện.*
2. *Hợp đồng giữa bà Thủy và ông Phương đã phát sinh hiệu lực hay chưa? Giải thích tại sao? Anh (chị) hãy nhận xét về quy định liên quan đến hiệu lực của hợp đồng trong trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất theo Luật Đất đai 2013 và Luật Nhà ở năm 2014.*
3. *Anh chị hãy tư vấn trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên giữa ông Phương và bà Thủy.*

4. Anh (chị) hãy chọn 1 bên trong tranh chấp để đưa ra các ý kiến tư vấn để bảo vệ quyền lợi của họ trước toà.

***Tiêu chí đánh giá:**

1. **Về kiến thức** (5 điểm): Sinh viên nắm được các quy định của pháp luật liên quan đến:

- Thủ tục đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở gắn liền với đất theo Luật đất đai 2013 và Luật Nhà ở 2014;
- Trình tự, thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai, nhà ở gắn liền với đất.

2. **Về kỹ năng** (5 điểm):

- Kỹ năng áp dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống;
- Kỹ năng đánh giá, so sánh các quy định pháp luật;
- Kỹ năng tư vấn pháp luật.

Tình huống 6

Ông Hoàng đến Văn phòng công chứng để yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Thuận. Biết rằng đất của ông Hoàng là đất ở tại đô thị, nguồn gốc sử dụng là công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất. Ông Hoàng có Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp ngày 29/01/2019.

Yêu cầu:

1. *Thửa đất của ông Hoàng có đủ điều kiện để chuyển nhượng theo quy định của Luật Đất đai hay không?*
2. *Giả sử, trên Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất chỉ ghi tên một mình ông Hoàng thì thửa đất này có được xem là tài sản riêng của ông Hoàng?*
3. *Giả sử, theo thông tin ông Hoàng cung cấp thì ông Hoàng có đã có vợ, và quyền sử dụng đất đang giao dịch có sau khi ông Hoàng kết hôn. Nếu là công chứng viên, anh (chị) có yêu cầu vợ ông Hoàng cùng ký vào hợp đồng chuyển nhượng hay không?*
4. *Nếu là công chứng viên, anh (chị) sẽ yêu cầu các bên cung cấp những loại giấy tờ gì để xác minh tính hợp pháp của giao dịch nói trên?*

*** Tiêu chí đánh giá:**

1. **Về kiến thức** (5 điểm): Sinh viên nắm được các quy định của pháp luật liên quan đến:

- Điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai;
- Nguyên tắc cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với quyền sử dụng đất của vợ chồng;

- Quy định về tài sản chung, tài sản riêng theo Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình.
 - Trình tự, thủ tục, các loại giấy tờ cần có trong hoạt động công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
2. **Về kỹ năng (5 điểm):**
- Kỹ năng áp dụng kiến thức đã học để giải quyết tình huống;
 - Kỹ năng đọc và hiểu thông tin trên Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
 - Kỹ năng tổng hợp các quy định pháp luật có liên quan.

Tình huống 7

Công ty TNHH X, một doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài với vốn điều lệ là 500 tỉ đồng. Công ty X có nhu cầu sử dụng một diện tích đất trong Khu công nghiệp A, tỉnh Bình Dương để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Khu công nghiệp A này do Công ty TNHH Một thành viên B đầu tư xây dựng. Hiện đất trong Khu công nghiệp A đã và đang cho nhiều doanh nghiệp thuê.

Giả sử, bạn là nhân viên pháp lý của Công ty X và được giao nhiệm vụ tìm hiểu và xúc tiến các thủ tục để Công ty X có thể sử dụng đất trong Khu công nghiệp A.

Yêu cầu: Hãy nghiên cứu quy định pháp luật và đưa ra ý kiến pháp lý cho những vấn đề sau:

1. Những giao dịch nào mà Công ty X có thể tham gia để có được quyền sử dụng đất trong Khu công nghiệp A? Nêu các ưu điểm và hạn chế trong từng giao dịch mà bạn có thể hình dung.
2. Giả sử, Công ty X chọn cách thuê quyền sử dụng đất trực tiếp từ doanh nghiệp hạ tầng khu công nghiệp là Công ty B. Hãy xác định:
 - 2.1. Điều kiện mà Công ty B và Công ty X cần đáp ứng để tham gia giao dịch cho thuê quyền sử dụng đất, trong đó Công ty B cho Công ty X thuê quyền sử dụng đất?
 - 2.2. Những giấy tờ pháp lý nào của cả Công ty B và Công ty X cần được kiểm tra để đảm bảo giao dịch có thể được thực hiện? Nêu rõ lý do vì sao phải có giấy tờ đó.
 - 2.3. Xác định trình tự, thủ tục, hồ sơ cụ thể cần thực hiện khi Công ty B cho Công ty X thuê quyền sử dụng đất.
 - 2.4. Những vấn đề pháp lý nào mà Công ty X cần lưu ý khi thuê quyền sử dụng đất trong Khu công nghiệp A từ Công ty B? Nêu rõ vì sao phải lưu ý vấn đề này.

*** Tiêu chí đánh giá:**

- Nắm được kiến thức pháp lý đã được trang bị tại trường, nhất là pháp luật đất đai, pháp luật kinh doanh bất động sản, pháp luật nhà ở và pháp luật doanh nghiệp (3đ)
- Có tư duy liên hệ, liên kết giữa các quy định pháp luật có liên quan trong bình luận và tư vấn (5đ)

- Tích cực nghiên cứu và có tính chủ động trong việc liên hệ giảng viên để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm (2đ)

Tình huống 8

Công ty TNHH X, một doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài với vốn điều lệ là 500 tỉ đồng. Công ty X có nhu cầu sử dụng một diện tích đất trong Khu công nghiệp A, tỉnh Bình Dương để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Khu công nghiệp A này do Công ty TNHH Một thành viên B đầu tư xây dựng. Hiện đất trong Khu công nghiệp A đã và đang cho nhiều doanh nghiệp thuê.

Giả sử, bạn là nhân viên pháp lý của Công ty X và được giao nhiệm vụ tìm hiểu và xúc tiến các thủ tục để Công ty X có thể sử dụng đất trong Khu công nghiệp A.

Yêu cầu: Hãy nghiên cứu quy định pháp luật và đưa ra ý kiến pháp lý cho những vấn đề sau:

1. *Những giao dịch nào mà Công ty X có thể tham gia để có được quyền sử dụng đất trong Khu công nghiệp A? Nêu các ưu điểm và hạn chế trong từng giao dịch mà bạn có thể hình dung.*

2. *Giả sử, Công ty X chọn cách mua lại nhà xưởng thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Y, do Công ty Y xây dựng trên đất thuê từ Công ty B trong Khu công nghiệp A. Hãy xác định:*

2.1. *Điều kiện mà Công ty Y và Công ty X cần đáp ứng để tham gia giao dịch chuyển nhượng tài sản gắn liền quyền sử dụng đất, trong đó Công ty Y bán nhà xưởng cho Công ty X?*

2.2. *Những giấy tờ pháp lý nào cần được kiểm tra để đảm bảo giao dịch có thể được thực hiện? Nêu rõ lý do vì sao phải có giấy tờ đó.*

2.3. *Xác định trình tự, thủ tục, hồ sơ cụ thể cần thực hiện khi Công ty Y bán nhà xưởng cho Công ty X.*

2.4. *Những vấn đề pháp lý nào mà Công ty X cần lưu ý khi mua nhà xưởng từ Công ty Y? Nêu rõ vì sao phải lưu ý vấn đề này.*

*** Tiêu chí đánh giá:**

- Nắm được kiến thức pháp lý đã được trang bị tại trường, nhất là pháp luật đất đai, pháp luật kinh doanh bất động sản, pháp luật nhà ở và pháp luật doanh nghiệp (3đ)
- Có tư duy liên hệ, liên kết giữa các quy định pháp luật có liên quan trong bình luận và tư vấn (5đ)
- Tích cực nghiên cứu và có tính chủ động trong việc liên hệ giảng viên để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm (2đ)

Tình huống 9

Ông David, một người quốc tịch Mỹ, đang sống và làm việc tại Việt Nam. David đã kết hôn với một phụ nữ Việt Nam. Để ổn định cuộc sống, David có nhu cầu mua nhà ở tại Việt Nam.

Yêu cầu: Được biết bạn là sinh viên trường luật đang trong giai đoạn thực tập tốt nghiệp, đã được trang bị kiến thức pháp lý, David mong muốn bạn hỗ trợ cho ý kiến pháp lý về những vấn đề sau:

1. David là người chi tiền để mua nhà ở. Tuy nhiên, theo David được biết, người nước ngoài không được đứng tên sở hữu nhà ở tại Việt Nam. Nếu David để vợ của mình đứng tên chủ sở hữu căn nhà trên giấy chứng nhận đối với quyền sở hữu nhà ở thì quyền lợi David có được bảo đảm không? Vì sao?

2. Theo bạn, David có được mua và đứng tên sở hữu nhà ở tại Việt Nam không? Nếu có, các điều kiện cần đáp ứng là gì?

3. Giả sử, David mua nhà ở hình thành trong tương lai từ một dự án nhà ở thương mại do Công ty cổ phần T đầu tư xây dựng. Hãy xác định:

3.1. Ngoài điều kiện mà David cần đáp ứng để được mua và sở hữu nhà ở, hãy cho biết các điều kiện mà Công ty cổ phần T cần phải đáp ứng để được bán nhà ở hình thành trong tương lai cho David.

3.2. Những giấy tờ pháp lý nào của cả Công ty T và David cần được kiểm tra để đảm bảo giao dịch có thể được thực hiện? Nêu rõ lý do vì sao phải có giấy tờ đó.

3.3. Xác định trình tự, thủ tục, hồ sơ cụ thể cần thực hiện khi Công ty T bán nhà ở cho David.

3.4. Những vấn đề pháp lý nào mà David cần lưu ý khi mua nhà ở từ dự án của Công ty T? Nêu rõ vì sao phải lưu ý vấn đề này.

*** Tiêu chí đánh giá:**

- Nắm được kiến thức pháp lý đã được trang bị tại trường, nhất là pháp luật đất đai, pháp luật kinh doanh bất động sản, pháp luật nhà ở và pháp luật doanh nghiệp (3đ)
- Có tư duy liên hệ, liên kết giữa các quy định pháp luật có liên quan trong bình luận và tư vấn (5đ)
- Tích cực nghiên cứu và có tính chủ động trong việc liên hệ giảng viên để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm (2đ)

Tình huống 10

Năm 2001, bà Phượng mua một phần diện tích đất của ông Hoàng (đất có nguồn gốc ông Hoàng mua của Ông Sơn vào năm 1989) và xây nhà để ở cho đến nay. Nhà và đất đã được UBND phường Long Bình cấp số nhà 1323A, đường Nguyễn Xiển (theo quyết định vào năm 2003).

Yêu cầu:

1. Phần diện tích đất và nhà của bà Võ Linh Phượng có thể được cấp Giấy chứng nhận hay không? Tại sao?

2. *Nếu được cấp Giấy chứng nhận:*

- + *Xác định cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận là cơ quan nào?*
- + *Trình bày thủ tục cần thiết để bà Phụng có thể được cấp Giấy chứng nhận, nêu rõ các công việc cần làm, hồ sơ bao gồm các giấy tờ nào?*
- + *Xác định các nghĩa vụ tài chính mà bà Phụng phải thực hiện khi được cấp giấy chứng nhận.*

***Tiêu chí đánh giá:** (theo thang điểm 10)

- Xác định và trình bày đúng các quy định của pháp luật có liên quan (5đ)
- Xác định đúng các bước công việc thực hiện, các hồ sơ bao gồm các giấy tờ cơ bản khi thực hiện các bước công việc (5đ)

Tình huống 11

Nhận thấy khu đất của bà Ý (tại ấp Minh Trung, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang) có tiềm năng để phân lô tách thửa chuyển nhượng QSDĐ xây dựng nhà ở vì khu đất nằm trong bán kính 5km là khu hành chính của huyện, chợ và nhiều cơ quan công an, trường học... nên ông Nguyễn Văn A có ý định mua lại.

Thông tin của thửa đất như sau:

- Diện tích: 1334m²
- Mục đích sử dụng: đất trồng lúa nước còn lại
- Thời hạn sử dụng đất: 10/2032
- Hình dáng, kích thước thửa đất:

Yêu cầu:

1. *Ông A cần phải tìm hiểu các thông tin gì liên quan đến đất trước khi nhận chuyển nhượng để có thể thực hiện được ý định của mình.*
2. *Giả sử khu đất có thể được phép phân lô tách thửa để chuyển nhượng QSDĐ xây dựng nhà ở, đối tượng khách hàng mà ông A hướng đến là người có thu nhập trung bình (vợ chồng trẻ, công chức, viên chức ... đang làm việc gần khu đất).*
 - a. *Lên phương án tách thửa đất cho khu đất trên.*
 - b. *Các thủ tục cần phải thực hiện để:*
 - + *Ông A nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.*
 - + *Ông A có thể thực hiện ý định của mình: tách thửa được đất và chuyển nhượng QSDĐ ở.*
 - c. *các nghĩa vụ tài chính mà ông A phải thực hiện để thực hiện các công việc, giá đất được áp dụng là loại giá đất nào, xác định cụ thể.*

***Tiêu chí đánh giá:** (theo thang điểm 10)

- Xác định và trình bày đúng các quy định của pháp luật có liên quan (5đ)
- Xác định đúng các bước công việc thực hiện, các hồ sơ bao gồm các giấy tờ cơ bản khi thực hiện các bước công việc (5đ)

Tình huống 12

Công ty Cổ phần (CTCP) C dự định thực hiện dự án xây nhà máy sản xuất gạch tại thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh K.

Yêu cầu:

(a) *Theo quy định của pháp luật hiện hành, CTCP C có phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường không? Nếu có thì cơ quan nào có thẩm quyền tổ chức thẩm định báo cáo ĐTM nêu trên? Tại sao?*

(b) *Với hoạt động sản xuất gạch nêu trên, anh/chị hãy tư vấn cho Công ty C về những nghĩa vụ mà Công ty phải thực hiện theo quy định pháp luật môi trường? Trong những nghĩa vụ tài chính mà Công ty phải thực hiện, nghĩa vụ nào được xem là tiền phải trả theo nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền? Tại sao?*

(c) *Khi đi vào hoạt động, Công ty C muốn nhập khẩu máy tính bảng dưới dạng phế liệu để phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty. Bằng kiến thức pháp luật môi trường anh/chị hãy tư vấn cho Công ty C về vấn đề này?*

(d) *Giả sử trong quá trình thực hiện dự án Công ty C muốn đăng ký bổ sung thêm ngành nghề cán, kéo kim loại để phục vụ cho hoạt động sản xuất gạch. Với mong muốn này Công ty C có được phép thực hiện không? Nếu có thì có phải thực hiện thêm thủ tục pháp lý nào về môi trường không? Tại sao?*

(e) *Trong quá trình sản xuất Công ty C có phát sinh một lượng lớn chất thải nguy hại cho biết Công ty C sẽ phải thực hiện yêu cầu nào theo quy định của pháp luật môi trường? Công ty có thể làm gì để giải quyết khối lượng chất thải nguy hại phát sinh nêu trên, biết rằng Công ty C không có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại?*

(f) *Với hoạt động sản xuất nêu trên, Công ty C phải thực hiện nghĩa vụ thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ theo quy định pháp luật hay không? Tại sao?*

(g) *Trong quá trình hoạt động, nhà máy sản xuất gạch của Công ty C thường xuyên xả khí thải chưa qua xử lý ra môi trường, làm ảnh hưởng môi trường không khí và mọi người xung quanh nên Ủy ban nhân dân xã Y đã ra quyết định xử phạt 15.000.000 đồng về hành vi xả thải ra môi trường. Bình luận quyết định nêu trên?*

(h) *Giả sử Công ty C cho rằng, quyết định xử phạt của Ủy ban nhân dân xã Y là trái pháp luật. Với tư cách là luật sư, anh/chị hãy hướng dẫn các thủ tục pháp lý cần thiết để giải quyết yêu cầu của Công ty C theo quy định pháp luật hiện hành?*

(i) *Sau khi đi vào hoạt động được 01 năm, Ủy ban nhân dân tỉnh K nhận được đơn phản ánh của nhân dân về việc nhà máy thải quá nhiều bụi có chứa yếu tố nguy hại trong quá trình hoạt động nên gây ảnh hưởng xấu cho môi trường và sức khỏe của người dân. Sau khi nhận được đơn, Ủy ban nhân dân tỉnh K đã chuyển vụ việc cho Sở*

Tài nguyên và Môi trường tiến hành thanh tra và đưa ra kết luận: (i) Công ty K chưa đăng ký chủ nguồn phát thải chất thải nguy hại, (ii) nhà máy không tuân thủ yêu cầu báo cáo ĐTM đã phê duyệt. Dựa trên kết quả thanh tra và quy định pháp luật môi trường, anh/chị hãy đưa ra hướng giải quyết.

(j) Sau nhiều lần thương lượng không thành, Công ty C vẫn không chịu thực hiện các hoạt động kiểm soát việc phát sinh khí thải dẫn đến ảnh hưởng nghiêm trọng sức khỏe và đời sống người dân. Người dân địa phương quyết định khởi kiện Công ty C ra tòa để yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết không? Vì sao?

* **Tiêu chí đánh giá:** thang điểm 10

- Xác định và trình bày đúng quy định pháp luật: 3đ

- Phân tích yếu tố pháp lý ảnh hưởng: 2đ

- Thực hiện tư vấn pháp lý phù hợp: 5đ

Tình huống 13

Công ty TNHH A triển khai thực hiện dự án khai thác khoáng sản rắn có khối lượng mỏ (bao gồm khoáng sản và đất đá thải) từ 300.000m³ nguyên khai/năm trở lên tại địa bàn thuộc ranh giới quản lý của tỉnh X và tỉnh Y.

Yêu cầu:

(a) Bằng kiến thức pháp luật môi trường anh/chị hãy tư vấn cho Công ty A các vấn đề pháp lý liên quan đến nghĩa vụ thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với dự án trên?

(b) Với dự án nêu trên, anh/chị hãy tư vấn cho Công ty A về những nghĩa vụ mà Công ty phải thực hiện theo quy định pháp luật môi trường? Trong những nghĩa vụ tài chính mà doanh nghiệp phải thực hiện, nghĩa vụ nào được xem là tiên phải trả theo nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền? Tại sao?

(c) Khi đi vào hoạt động, Công ty A muốn nhập khẩu phế liệu và mảnh vụn của gang để phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty. Bằng kiến thức pháp luật môi trường anh/chị hãy tư vấn cho Công ty về vấn đề này?

(d) Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Công ty A có xả nước thải ra môi trường bên ngoài với quy mô xả thải từ 1.000 m³/ngày (24 giờ) trở lên. Hỏi Công ty A có bắt buộc phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục hay không? Bằng kiến thức pháp luật môi trường anh/chị hãy tư vấn cho Công ty A về vấn đề nêu trên?

(e) Với việc thực hiện dự án khai thác khoáng sản rắn nêu trên, Công ty A có phải thực hiện nghĩa vụ thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ theo quy định pháp luật hay không? Tại sao?

(f) Trong quá trình hoạt động, Công ty A thường xuyên xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường, làm ô nhiễm môi trường nước nghiêm trọng nên UBND huyện T tỉnh X đã ra quyết định xử phạt Công ty A 150.000.000 đồng về hành vi xả thải ra môi trường. Bình luận quyết định nêu trên?

(g) Giả sử Công ty A cho rằng, quyết định xử phạt của UBND huyện T là trái pháp luật. Với tư cách là chuyên gia pháp lý, anh/ chị hãy hướng dẫn các thủ tục pháp lý cần thiết để giải quyết yêu cầu của Công ty A theo quy định pháp luật hiện hành?

(h) Tháng 12/2019, UBND tỉnh Y nhận được đơn phản ánh của người dân về việc nhà máy thải quá nhiều chất thải trong quá trình hoạt động nên gây ảnh hưởng xấu cho môi trường và sức khỏe của người dân. Sau khi nhận được đơn, UBND tỉnh Y đã chuyển vụ việc cho Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thanh tra và đưa ra kết luận: (i) để xảy ra sự cố tràn đổ chất thải nguy hại ra môi trường đất gây ô nhiễm môi trường, (ii) không lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành và gửi cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM theo quy định. Dựa trên kết quả thanh tra và quy định pháp luật môi trường, anh/chị hãy đưa ra hướng xử lý phù hợp.

(i) Trong quá trình hoạt động, Công ty A muốn thuê rừng sản xuất để thực hiện sản xuất lâm nghiệp. Hỏi Công ty A có được phép thực hiện không? Bằng kiến thức pháp luật môi trường anh/chị hãy tư vấn cho Công ty A về vấn đề nêu trên.

(j) Để đa dạng hóa hoạt động sản xuất, kinh doanh Công ty A muốn đầu tư vào hoạt động khai thác khoáng sản tại Việt Nam và nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản từ các doanh nghiệp trong nước. Hỏi nhu cầu trên của Công ty A có được phép thực hiện không? Bằng kiến thức pháp luật môi trường anh/chị hãy tư vấn cho Công ty A về vấn đề nêu trên.

* **Tiêu chí đánh giá:** thang điểm 10

- Xác định và trình bày đúng quy định pháp luật: 3đ

- Phân tích yếu tố pháp lý ảnh hưởng: 2đ

- Thực hiện tư vấn pháp lý phù hợp: 5đ

Tình huống 14

Công ty TNHH HT là Công ty Việt Nam chuyên thực hiện các hoạt động sản xuất dệt nhuộm vải. Trong quá trình hoạt động, Công ty TNHH HT đã thải ra nhiều loại chất thải gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của người dân,

gây bức xúc dư luận xã hội. Dựa trên sự phản ánh của người dân, tháng 02/2020, Phòng cảnh sát môi trường, Công an Tp. Hồ Chí Minh đã tiến hành kiểm tra và phát hiện Công ty TNHH HT có hành vi xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường. Mặt khác, trong quá trình kiểm tra, phía công ty không xuất trình được giấy phép xả thải, không trang bị hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh đều được xả ra hệ thống mương hở, không qua bất kỳ hệ thống xử lý nước thải nào. Ngoài ra, trong quá trình kiểm tra còn phát hiện công ty không nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải từ tháng 01 năm 2011.

Yêu cầu: Bằng kiến thức pháp luật môi trường, anh chị hãy:

- a) *Bình luận và giải quyết vụ việc trên.*
- b) *Đánh giá thực trạng, hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về vấn đề bảo vệ môi trường trong hoạt động quản lý chất thải của các doanh nghiệp hiện nay, từ đó đưa ra một số giải pháp hoàn thiện.*

*** Tiêu chí đánh giá:** thang điểm 10

- Xác định bản chất vụ việc thông qua bình luận và giải quyết: 4đ
- Đánh giá được hạn chế, bất cập: 4đ
- Nêu đầy đủ cơ sở pháp lý: 2đ

Tình huống 15

Công ty A (công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài) có nhà xưởng nằm tại địa bàn xã X, huyện Y, tỉnh Z. Kế bên phần đất nhà xưởng của công ty A là phần đất diện tích 300m² đất nông nghiệp (đất trồng cây hàng năm) của ông B, hiện ông B đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty A mong muốn được mua phần đất của ông B để mở rộng nhà xưởng.

Yêu cầu: Anh chị hãy tư vấn những phương án để công ty A có thể thực hiện được mong muốn này.

*** Tiêu chí đánh giá:** thang điểm 10

- Kỹ năng vận dụng pháp luật: 4đ
- Kỹ năng tư vấn thông qua các phương án: 4đ
- Nêu đầy đủ cơ sở pháp lý: 2đ

Tình huống 16

Công ty A (công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài) chuyên sản xuất kinh doanh các mặt hàng mỹ phẩm và thực phẩm. Trong quá trình phân phối sản phẩm, công ty A có cam kết với các đại lý phân phối sản phẩm sẽ thu hồi và xử lý các sản phẩm gần hết hạn sử dụng.

Một số nhân viên công ty đề xuất là sau khi thu gom hàng hết sử dụng tại các đại lý sẽ đem vứt ở các thùng rác công cộng, không cần mang về trụ sở công ty để tiết kiệm chi phí.

Yêu cầu: Anh chị hãy tư vấn để công ty A thực hiện đúng các quy định pháp luật về môi trường.

* **Tiêu chí đánh giá:** thang điểm 10

- Kỹ năng vận dụng pháp luật: 4đ
- Kỹ năng tư vấn thông qua các phương án: 4đ
- Nêu đầy đủ cơ sở pháp lý: 2đ

Tình huống 17

Những vấn đề pháp lý về thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ

Yêu cầu về nội dung:

- *SV làm rõ được những quy định pháp luật hiện hành về vấn đề thu hồi và xử lý SPTB*
- *Từ thực trạng thu hồi và xử lý SPTB (như pin, thiết bị điện, điện tử...), SV cần nêu ra được những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định về thu hồi và xử lý SPTB.*
- *SV có thể nghiên cứu thêm về thực trạng thu hồi và xử lý SPTB của một số QG phát triển để có cái nhìn bao quát và tổng thể, từ đó liên hệ với thực trạng thu hồi và việc áp dụng các quy định về thu hồi và xử lý SPTB ở VN.*
- *Trên cơ sở những nghiên cứu trên, SV tìm ra điểm hạn chế, bất cập trong quy định PL VN về vấn đề này cũng như những khó khăn vướng mắc trên thực tế khi áp dụng các quy định đó.*

Yêu cầu về hình thức: như tiểu luận cuối khóa (15-20 trang A4, cỡ chữ 13, hình thức tương tự như tiểu luận, khóa luận, gồm lời mở đầu, mục lục, nội dung và tài liệu tham khảo)

* **Tiêu chí đánh giá:** thang điểm 10

- Yêu cầu về nội dung: 8đ
- Yêu cầu về hình thức: 2đ

Tình huống 18

Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền và vấn đề thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Yêu cầu về nội dung:

- *SV cần phân tích và hiểu rõ các vấn đề lý luận về nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền.*

- Nghiên cứu các quy định pháp luật hiện hành về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.
- Phân tích mối liên quan và sự thể hiện của nguyên tắc này trong vấn đề thu phí BVMT VN hiện nay.

Yêu cầu về hình thức: như tiểu luận cuối khóa (15-20 trang A4, cỡ chữ 13, hình thức tương tự như tiểu luận, khóa luận, gồm lời mở đầu, mục lục, nội dung và tài liệu tham khảo)

*** Tiêu chí đánh giá:** thang điểm 10

- Yêu cầu về nội dung: 8đ
- Yêu cầu về hình thức: 2đ

Tình huống 19

Kiểm soát dịch bệnh Covid - 19 tại Việt Nam

Yêu cầu về nội dung:

- SV cần đề cập khái quát tình hình dịch bệnh Covid – 19 tại Việt Nam
- Vấn đề kiểm soát dịch bệnh thông qua đánh giá các văn bản đã được ban hành.
- Phân tích các quy định pháp luật có liên quan nhằm kiểm soát dịch bệnh.

Yêu cầu về hình thức: như tiểu luận cuối khóa (15-20 trang A4, cỡ chữ 13, hình thức tương tự như tiểu luận, khóa luận, gồm lời mở đầu, mục lục, nội dung và tài liệu tham khảo)

*** Tiêu chí đánh giá:** thang điểm 10

- Yêu cầu về nội dung: 8đ
- + Phân tích thực trạng ban hành và áp dụng pháp luật (đầy đủ, chính xác, đáp ứng tính thời sự)
- + Kiến nghị, đề xuất, giải pháp (khuyến khích tính khả thi, cụ thể, sáng tạo)
- + Phương pháp nghiên cứu phù hợp
- Yêu cầu về hình thức: 2đ

Tình huống 20

Khía cạnh pháp lý của việc xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long

Yêu cầu về nội dung:

- SV cần đề cập khái quát việc xâm nhập mặn và các tác động ở đồng bằng sông Cửu Long năm 2020
- Vấn đề kiểm soát việc xâm nhập mặn thông qua đánh giá các văn bản đã được ban hành.
- Phân tích các quy định pháp luật có liên quan nhằm kiểm soát việc xâm nhập mặn.

Yêu cầu về hình thức: như tiểu luận cuối khóa (15-20 trang A4, cỡ chữ 13, hình thức tương tự như tiểu luận, khóa luận, gồm lời mở đầu, mục lục, nội dung và tài liệu tham khảo)

*** Tiêu chí đánh giá:** thang điểm 10

- - Yêu cầu về nội dung: 8đ
- + Phân tích thực trạng ban hành và áp dụng pháp luật (đầy đủ, chính xác, đáp ứng tính thời sự)
- + Kiến nghị, đề xuất, giải pháp (khuyến khích tính khả thi, cụ thể, sáng tạo)
- + Phương pháp nghiên cứu phù hợp
- - Yêu cầu về hình thức: 2đ

Tình huống 21

Tháng 5/2018, tàu chở dầu MK, trọng tải 5.000 tấn mang cờ Singapore đâm va phải cầu cảng CL. Hậu quả của sự cố này là:

- Cầu cảng bị hư hỏng, ước tính thiệt hại là 10.000.000.000 VNĐ (mười tỷ đồng);
- Làm 2000 tấn dầu tràn ra sông SG, dẫn đến:
 - o 100 km sông thuộc 02 tỉnh ĐN và BD bị nhiễm dầu, ước tính thiệt hại do làm suy giảm chức năng hữu ích của môi trường (thiệt hại đối với môi trường) là 1000.000.000.000 VNĐ (một ngàn tỷ đồng)
 - o Nước sông bị nhiễm dầu tràn vào 20.000 ha đất trồng lúa và thủy sản của nông dân, ước tính thiệt hại về lúa và thủy sản bị chết là 1000.000.000.000 VNĐ (một ngàn tỷ đồng)

Yêu cầu: Anh (chị) hãy cho biết:

1. Trong các thiệt hại nêu trên, thiệt hại nào là thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường gây ra? Tại sao?
2. Xác định chủ thể có quyền khởi kiện yêu cầu chủ tàu MK bồi thường các thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường nêu trên.
3. Xác định cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về bồi thường thiệt hại giữa người bị thiệt hại và chủ tàu.
4. Chủ tàu MK có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự cố nêu trên gây ra hay không? Tại sao?
5. Xác định các công việc mà cơ quan quản lý nhà nước cần phải thực hiện để ngăn ngừa sự cố và phục vụ việc giải quyết tranh chấp?
6. Cho ý kiến nhận xét về các quy định của pháp luật Việt Nam về giải quyết tranh chấp do làm ô nhiễm môi trường?

Tiêu chí đánh giá: Thang điểm 10:

- Xác định đúng văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết vụ việc: 02 điểm
- Đưa ra được hướng giải quyết đúng theo quy định hiện hành: 05 điểm

- Đưa ra được quan điểm mang dấu ấn chủ quan: 03 điểm

Tình huống 22

Năm 2018, công ty A có chủ trương đầu tư dự án phong điện, công suất 200 MW trên diện tích 500 ha đất thuộc tỉnh CM. Quy mô vốn đầu tư của dự án là 6.000 tỷ đồng.

Yêu cầu: Với tư cách là luật sư tư vấn cho Công ty A, Anh (chị) hãy soạn Thư tư vấn, trong đó là rõ các nội dung sau:

1. *Các thủ tục, nghĩa vụ về môi trường mà công ty A phải thực hiện để được thực hiện dự án nói trên?*
2. *Xác định các khoản ưu đãi, hỗ trợ mà Công ty A với tư cách là chủ đầu tư được hưởng theo quy định của pháp luật hiện hành?*
3. *Những rủi ro về pháp lí mà Công ty A có thể gặp phải trong quá trình thực hiện dự án?*

Tiêu chí đánh giá: Thang điểm 10:

- Xác định đúng văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết vụ việc: 02 điểm
- Phân tích, giải thích, vận dụng đúng quy định của pháp luật: 05 điểm
- Khả năng nhận diện rủi ro về pháp lí: 03 điểm

Tình huống 23

Năm 2018, công ty A có nhu cầu nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

Yêu cầu: Với tư cách là luật sư tư vấn cho Công ty A, Anh (chị) hãy soạn Thư tư vấn, trong đó là rõ các nội dung sau:

- *Điều kiện để Công ty A được nhập khẩu phế liệu (bao gồm điều kiện đối với người nhập khẩu và điều kiện đối với phế liệu nhập khẩu)?*
- *Các loại giấy tờ mà công ty A cần phải có để được phép nhập khẩu phế liệu?*
- *Xác định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc cho phép công ty A nhập khẩu phế liệu và giải quyết hậu quả trong trường hợp phế liệu đã chuyển vào lãnh thổ Việt Nam nhưng không đủ điều kiện nhập khẩu?*

Tiêu chí đánh giá: Thang điểm 10:

- Xác định đúng văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết vụ việc: 02 điểm
- Phân tích, giải thích, vận dụng đúng quy định của pháp luật: 05 điểm
- Kỹ năng vận dụng pháp luật: 03 điểm

Tình huống 24

Năm 1986 hộ gia đình bà X xây dựng nhà ở trên diện tích khoảng 200m² đất được cha mẹ để lại. Trong đó có phần đất trống bên hông nhà (rộng 0.6m, dài 15m) được xây dựng để làm chuồng nuôi heo nhưng do không đảm bảo vệ sinh nên sau 3 năm gia đình

bà X đã không tiếp tục chăn nuôi mà bỏ trống. Năm 2008 hộ gia đình bà X được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất (Giấy chứng nhận) với 203 m² đất. Khi nhận Giấy chứng nhận thì gia đình bà X nghĩ rằng diện tích đất được cấp giấy chứng nhận đã bao gồm phần đất bên hông nhà (phần đất có chiều rộng 0.6m, dài 15m). Năm 2014 hộ gia đình ông T là hàng xóm tiến hành xây dựng nhà ở và xây dựng kiềng nhà lên phần đất này. Sau khi phát hiện hành vi của hộ gia đình ông T, bà X đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T không đồng ý.

Theo ông T diện tích đất của hộ gia đình ông đang sử dụng có nguồn gốc do ông nhận chuyển nhượng từ ông H năm 1982 và đã được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận năm 2008 với diện tích 195m². Ông T cho rằng phần đất rộng 0.6m, dài 15m thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông nên việc ông xây kiềng nhà trên diện tích này là hợp lý.

Do các bên không thể tự thỏa thuận nên bà X đã nộp đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Yêu cầu:

- a. *Hãy xác định loại tranh chấp.*
- b. *Xác định cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp như thế nào?*

Tiêu chí đánh giá: Thang điểm 10:

1. Về hình thức (2 điểm): tuân thủ yêu cầu của hướng dẫn báo cáo thực tập của Khoa.
2. Về nội dung (8 điểm):
 - Cơ sở pháp lý rõ ràng; 2 điểm
 - Vận dụng lý thuyết và các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý: 3 điểm
 - Tham khảo thực tế áp dụng pháp luật; so sánh, đối chiếu với các pháp luật thực định. Trên cơ sở đó trình bày ý kiến, kết luận của cá nhân: 3 điểm

Tình huống 25

Doanh nghiệp H có 30% vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, đang sử dụng 10 hecta đất thực hiện xây dựng nhà ở để bán. Do tình hình kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn nên doanh nghiệp H muốn chuyển nhượng toàn bộ dự án cho chủ thể khác tiếp tục thực hiện.

Yêu cầu:

- a. *Mong muốn của doanh nghiệp H có phù hợp với pháp luật hiện hành không? Nếu có thể thực hiện thì doanh nghiệp H cần đáp ứng những điều kiện nào?*
- b. *Chủ thể nhận chuyển nhượng dự án có cần phải đáp ứng những điều kiện nào?*

c. *Doanh nghiệp H có được chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án cùng với việc chuyển nhượng dự án đầu tư hay không?*

Tiêu chí đánh giá: Thang điểm 10:

1. Về hình thức (2 điểm): tuân thủ yêu cầu của hướng dẫn báo cáo thực tập của Khoa.
2. Về nội dung (8 điểm):
 - Cơ sở pháp lý rõ ràng: 2 điểm
 - Vận dụng lý thuyết và các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý: 3 điểm
 - Tham khảo thực tế áp dụng pháp luật; so sánh, đối chiếu với các pháp luật thực định. Trên cơ sở đó trình bày ý kiến, kết luận của cá nhân: 3 điểm

Tình huống 26

So sánh quyền giao dịch quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong nước với quyền giao dịch quyền sử dụng đất của tổ chức trong nước.

Yêu cầu:

- *Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ tiền sử dụng đất; được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất có được thực hiện các quyền giao dịch quyền sử dụng đất trên thực tế hay không?*
- *Theo qui định pháp luật, hộ gia đình cá nhân, tổ chức trong nước được nhận quyền sử dụng đất thông qua những giao dịch quyền sử dụng đất nào?*
- *Sinh viên có thể tìm một ví dụ thực tế về giao dịch quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân hoặc tổ chức và bình luận về ví dụ đó để minh họa.*

Tiêu chí đánh giá: Thang điểm 10:

1. Về hình thức (2 điểm): tuân thủ yêu cầu của hướng dẫn báo cáo thực tập của Khoa.
2. Về nội dung (8 điểm):
 - Cơ sở pháp lý rõ ràng: 2 điểm
 - Vận dụng lý thuyết và các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý: 4 điểm
 - Ví dụ thực tế minh họa: 2 điểm



III. BỘ MÔN LUẬT THUẾ - TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Lĩnh vực luật Thuế:

TÌNH HUỐNG 1: Thủ tục khai báo thuế ban đầu và tư vấn các nghĩa vụ thuế cho doanh nghiệp mới thành lập.

Yêu cầu:

- Sinh viên nắm được, hiểu và vận dụng được nguyên tắc quản lý thuế theo chế độ tự đăng ký, kê khai, nộp và quyết toán thuế của người nộp thuế.
- Sinh viên nắm được các thủ tục hành chính cơ bản về khai báo thuế và thiết lập kế toán ban đầu cho doanh nghiệp bao gồm biểu mẫu, thủ tục, các vấn đề bất cập, hướng khắc phục, hạn chế sai phạm thông qua ít nhất 10 hồ sơ khai thuế ban đầu cụ thể.
- Sinh viên nhận định được các nghĩa vụ thuế cơ bản mà doanh nghiệp phải thực hiện tương ứng với ngành nghề kinh doanh.
- Sinh viên tư vấn cho doanh nghiệp các nội dung nhằm hạn chế các vi phạm về thuế và tối ưu số tiền thuế phải nộp.
- Từ thực tiễn nghiên cứu, sinh viên đưa ra các kiến nghị nhằm đơn giản hóa thủ tục về khai thuế ban đầu cho doanh nghiệp.

TÌNH HUỐNG 2: Về việc thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Yêu cầu:

- Sinh viên lựa chọn một doanh nghiệp đang hoạt động trên thực tế, xác định ngành nghề kinh doanh, quy mô kinh doanh, địa bàn kinh doanh của doanh nghiệp.
- Căn cứ vào quy định của pháp luật thuế, sinh viên xác định các nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp phát sinh từ quá trình hoạt động của doanh nghiệp.
- Sinh viên trình bày trình tự, thủ tục thực hiện các nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp trong một năm.
- Sinh viên tiến hành đánh giá các tác động của pháp luật quản lý thuế đối với doanh nghiệp, (chỉ rõ những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp khi thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế).
- Từ thực tiễn nghiên cứu, sinh viên đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật quản lý thuế theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế cho doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu thu thuế là thu đúng, đủ và hạn chế thất thu thuế.

Sinh viên mở rộng các đề xuất nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế trong bối cảnh dịch bệnh kéo dài, và yêu cầu hạn chế thấp nhất việc tiếp xúc xã hội.

TÌNH HUỐNG 3: Quyết toán thuế thu nhập cá nhân cho cá nhân có thu nhập tiền lương, tiền công từ nhiều nguồn thu nhập khác nhau trong năm tài chính.

Yêu cầu:

- Sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức về thuế thu nhập của cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công: xác định được đối tượng nộp thuế; các khoản tiền lương, tiền công chịu thuế TNCN; các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công không chịu thuế; căn cứ tính thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công; vấn đề giảm trừ gia cảnh,...
- Sinh viên hiểu và tư vấn cho đối tượng nộp thuế về các trường hợp các nhân tự quyết toán thuế thu nhập cá nhân.
- Sinh viên nắm được và có thể thực hiện các thủ tục hành chính về quyết toán thuế thu nhập cá nhân: hoàn thành các biểu mẫu, hoàn tất hồ sơ quyết toán thuế, tiến hành các thủ tục quyết toán thuế thu nhập cá nhân.
- Sinh viên nghiên cứu và chỉ ra được các vấn đề bất cập, những hạn chế, sai phạm thông qua nghiên cứu khoảng 10 hồ sơ quyết toán thuế TNCN cụ thể và đề xuất hướng khắc phục những hạn chế này, (các hồ sơ quyết toán thuế TNCN có thể được giảng viên hướng dẫn cung cấp).
- Từ thực tiễn nghiên cứu, sinh viên đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về quản lý thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân và bảo vệ quyền lợi của đối tượng nộp thuế thu nhập cá nhân.

TÌNH HUỐNG 4: Hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư mới tại doanh nghiệp nơi thực tập.

Yêu cầu:

- Sinh viên xác định được các vấn đề cơ bản liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT của doanh nghiệp: xác định đối tượng chịu thuế, căn cứ tính thuế, phương pháp nộp thuế GTGT và các trường hợp doanh nghiệp được hoàn thuế GTGT.
- Sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức về hoàn thuế GTGT với dự án đầu tư mới của doanh nghiệp.
- Sinh viên nắm được các thủ tục hành chính về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư mới bao gồm biểu mẫu, thủ tục, điều kiện, các vấn đề bất cập, hướng khắc phục, hạn chế sai phạm thông qua nghiên cứu ít nhất 2 hồ sơ hoàn thuế từ dự án đầu tư mới cụ thể. (Các hồ sơ hoàn thuế GTGT này có thể được giảng viên hướng dẫn cung cấp).
- Từ thực tiễn nghiên cứu, sinh viên tư vấn cho người nộp thuế các vấn đề pháp lý mà người nộp thuế phải tuân thủ để đảm bảo quyền được khấu trừ thuế từ dự án đầu tư mới.
- Từ thực tiễn nghiên cứu, sinh viên đưa ra các kiến nghị nhằm bảo đảm quyền hoàn thuế cho người nộp thuế và chống gian lận về hoàn thuế từ dự án đầu tư mới.

TÌNH HUỐNG 5: Quản lý giảm trừ gia cảnh trong thuế TNCN tại doanh nghiệp nơi thực tập

Yêu cầu:

- Sinh viên hiểu và vận dụng được kiến thức về giảm trừ gia cảnh trong thuế TNCN đang được áp dụng tại doanh nghiệp nơi thực tập.
- Sinh viên nắm được các thủ tục hành chính về hồ sơ, thủ tục đăng ký người phụ thuộc, khó khăn trong việc xác định người phụ thuộc, lưu trữ, bảo quản hồ sơ người phụ thuộc.
- Từ thực tiễn nghiên cứu, sinh viên đưa ra các tư vấn cho người nộp thuế tuân thủ để xác định và quản lý người phụ thuộc tại doanh nghiệp nơi thực tập.
- Từ thực tiễn nghiên cứu, sinh viên đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về giảm trừ gia cảnh và hạn chế rủi ro cho doanh nghiệp chi trả thu nhập cũng như cá nhân có thu nhập.

2. Lĩnh vực Luật Ngân Hàng

TÌNH HUỐNG 6

I. Kỹ năng đọc, hiểu và tóm tắt tổng thuật hồ sơ, vụ việc

1. SV dành thời gian đọc kỹ Bản án sơ thẩm số 46/2014/HSST ngày 27/01/2014 của Tòa án ND Tp HCM trong file kèm (sau đây gọi là “tình huống thực tập”) để hiểu và tóm tắt được các nội dung chính của tình huống thực tập.

II. Kỹ năng thu thập thông tin, tài liệu, nhận định & đánh giá chứng cứ

2. Trong tình huống thực tập này, nhóm hồ sơ, tài liệu là chứng cứ nào là quan trọng & mang tính chất quyết định bản chất và sự thật khách quan vụ việc. Phân tích, nhận định giá trị chứng cứ của từng nhóm hồ sơ tài liệu.

3. Để có đủ cơ sở để giải quyết vụ việc (giả định là Thẩm phán), thực hiện hoạt động công tố (giả định là Kiểm sát viên) hoặc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn dân sự/ bị đơn dân sự (giả định là Luật sư) thì ngoài các chứng cứ đã có trong tình huống thực tập Anh/ Chị phải tiến hành thu thập bổ sung / xem xét, đánh giá những chứng cứ nào? Vì sao?

III. Kỹ năng chọn luật áp dụng

4. SV lập danh mục văn bản pháp luật sẽ được sử dụng để giải quyết vụ việc trên. Giải thích rõ vì sao chọn văn bản đó.

Yêu cầu cụ thể: SV chỉ lập theo 2 nhóm:

(i) pháp luật về quản trị ngân hàng, kiểm soát giao dịch tư lợi, đảm bảo an toàn; cơ cấu tổ chức nội bộ, quản lý, điều hành TCTD; pháp luật về kiểm soát nội bộ; pháp luật về giao dịch tài khoản & tiết kiệm; pháp luật về tín dụng và giao dịch bảo đảm; pháp luật về hoạt động ủy thác, hợp tác đầu tư, kinh doanh khác của các TCTD; pháp luật về lãi suất;

(ii) Pháp luật dân sự, kinh doanh, thương mại... có liên quan

Lưu ý: không yêu cầu pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và các lĩnh vực khác

5. Nhận diện & phân tích và nêu quan điểm cá nhân về việc chọn luật áp dụng (trừ pháp luật hình sự- tố tụng hình sự) trong tình huống thực tập.

IV. Kỹ năng phân tích, phản biện và làm việc nhóm:

6. Viết bài phân tích và bình luận phản biện quan điểm: Vietinbank phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các tổ chức gửi tiền vào Vietinbank nhưng bị mất - nguyên đơn dân sự (công ty An Lộc, SBBS, Hưng Yên, Toàn Cầu và Phương Đông Ngân hàng ACB và Navibank) với lý do Huỳnh Thị Huyền Như là cán bộ của Vietinbank (căn cứ Điều 618 Bộ Luật Dân sự: “Pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được pháp nhân giao”; Không chấp nhận Huỳnh thị Huyền Như bồi thường, vì người gửi tiền không giao dịch với Huỳnh thị Huyền Như; Quan hệ hợp đồng gửi tiền với Vietinbank là hợp pháp, yêu cầu Vietinbank phải bồi thường.

7. Viết bài phân tích và bình luận phản biện quan điểm: Huyền Như là người có nghĩa vụ phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các nguyên đơn dân sự, do những thỏa thuận “ngầm” của Huyền Như được thực hiện hoàn toàn ngoài Ngân hàng Vietinbank; nội dung thỏa thuận về lãi suất vi phạm pháp luật nên các hợp đồng không thực tế và không được thực hiện, người gửi tiền không vi phạm pháp luật khi gửi tiền tiết kiệm, người gửi tiền câu trả, hám lợi không giám sát nên tạo điều kiện cho Huyền Như chiếm đoạt tài sản.

8. Viết bài phân tích và bình luận, đánh giá về hiệu lực pháp lý các hợp đồng gửi tiền giữa Vietinbank và các nguyên đơn dân sự, bao gồm các nội dung sau: giá trị pháp lý

của mẫu hợp đồng tư cách pháp lý các chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng, hình thức hợp đồng, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng, quản lý, thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng)

9. Viết bài nhận diện, phân tích các rủi ro pháp lý trong giao dịch tài khoản ngân hàng qua tình huống thực tập.

V. Kỹ năng phân tích dự báo và tư vấn giải pháp pháp lý

10. Báo cáo (giả định gửi cho Vietinbank) nhận diện & phân tích các nhóm nguyên nhân (từ phía nội bộ Vietinbank) đã tạo điều kiện để Huyền Như thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật như trong tình huống thực tập. Đề xuất các giải pháp pháp lý để hạn chế và loại bỏ rủi ro tương tự trong tương lai (không yêu cầu các giải pháp về đạo đức, con người và công nghệ)

11. Báo cáo (giả định gửi nguyên đơn dân sự- người gửi tiền) nhận diện & phân tích các nhóm nguyên nhân (từ phía người gửi tiền) đã tạo điều kiện để Huyền Như thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật như trong tình huống thực tập. Đề xuất các giải pháp pháp lý để hạn chế và loại bỏ rủi ro tương tự trong tương lai (không yêu cầu các giải pháp về đạo đức, con người và công nghệ)

12. Đọc các văn bản: (i) Quyết định số [36/2006/QĐ-NHNN](#) ngày 01/8/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ của tổ chức tín dụng (ii) Quyết định số [37/2006/QĐ-NHNN](#) ngày 01/8/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng ; (iii) Thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài và (iv) Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Chứng minh rằng những hạn chế, khiếm khuyết bất cập trong pháp luật kiểm soát nội bộ ngân hàng (văn bản (i) và (ii) bị Huỳnh Thị Huyền Như và đồng phạm sử dụng để phạm tội như trong tình huống thực tập đã được khắc phục trong văn bản (iii) và (iv).

13. Đọc các văn bản: (i) Quyết định số [1284/2002/QĐ-NHNN](#) ngày 21/11/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế mở và sử dụng tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng; (ii) Nghị định số 64/2001/NĐ-CP ngày

20 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; (iii) Nghị định số [101/2012/NĐ-CP](#) ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; (iv) Nghị định số [80/2016/NĐ-CP](#) ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [101/2012/NĐ-CP](#) ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; (v) Thông tư số [23/2014/TT-NHNN](#) ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; (vi) Thông tư số 02/2019/TT-NHNN ngày 28/2/2019 của NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [23/2014/TT-NHNN](#) ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán,

Chứng minh rằng: những hạn chế, khiếm khuyết bất cập trong pháp luật mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (văn bản (i) và (ii) bị Huỳnh Thị Huyền Như và đồng phạm sử dụng để phạm tội như trong tình huống thực tập đã được khắc phục trong văn bản (iii) đến (vi).

14. Báo cáo tư vấn (cho Ngân hàng TM) các giải pháp pháp lý để kiểm soát, phòng ngừa và xử lý các rủi ro pháp lý, tương tự trong tình huống thực tập.

15. Báo cáo tư vấn (cho người gửi tiền) các giải pháp pháp lý để kiểm soát, phòng ngừa và xử lý các rủi ro pháp lý, tương tự trong tình huống thực tập.

TÌNH HUỐNG 7

I. Kỹ năng đọc, hiểu và tóm tắt tổng thuật hồ sơ, vụ việc

Sinh viên cần đọc kỹ vụ việc và các tài liệu liên quan được đưa ra và đánh kèm dưới đây (sau đây gọi là "tình huống thực tập") để hiểu và nắm bắt được các nội dung chính của tình huống thực tập.

Tình huống thực tập:

Công ty cổ phần Viễn thông X (sau đây gọi là "Công ty X") thành lập tháng 02/2011, có trụ sở tại TP. HCM. Vào cuối năm 2011, do Công ty X có nhu cầu về vốn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh điện thoại, người đại diện cho Công ty X là ông Phan A (chức vụ Giám đốc) đã ký với Ngân hàng TMCP Y (sau đây gọi là "Ngân hàng Y") những văn bản sau: Hợp đồng cấp hạn mức số 0310/11/TD và 03 Phụ lục hợp đồng số PL.01.0310/TD, PL.02.0310/11/TD và PL.03.0310/11/TD, các văn bản này đều được ký vào ngày 20/12/2011. Theo đó, Ngân hàng Y cấp tín dụng cho Công ty X

với hạn mức tín dụng tổng tối đa là 12.000.000.000 đồng kèm các nội dung sau: mục đích khoản vay là thanh toán tiền mua điện thoại di động; lãi suất cho vay được quy định cụ thể trong từng phụ lục hợp đồng và theo từng giấy nhận nợ, lãi suất thay đổi định kỳ 01 tháng/lần theo quy định của Ngân hàng Y; lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng tổng là 12 tháng, thời hạn vay của mỗi món vay được ghi trên Giấy nhận nợ, tối đa không quá 04 tháng.

Nghĩa vụ trả nợ của Công ty X được đảm bảo dựa trên các giao dịch bảo đảm sau đây (*các giấy tờ minh chứng quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp đã được Ngân hàng Y kiểm định khi kí kết Hợp đồng cấp hạn mức và gửi đến Toà Z kèm theo đơn khởi kiện*):

- Công ty X đã cầm cố tại Ngân hàng Y lô điện thoại tồn kho trị giá 10.000.000.000 đồng thuộc sở hữu của Công ty X;
- Ngân hàng Y đã ký với ông Phan A Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ngày 20/12/2011 với tài sản thế chấp là căn hộ chung cư số 11 (tài sản hình thành trong tương lai) do ông Phan A đứng tên chủ sở hữu;
- Ngân hàng Y đã ký với ông Nguyễn B Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải ngày 20/12/2011 với tài sản thế chấp là 01 tàu kéo và 02 sà lan do ông Nguyễn B đứng tên trên các Giấy Chứng nhận đăng kí phương tiện thủy nội địa;
- Ngân hàng Y đã ký với ông Nguyễn B và bà Nguyễn C Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba vào ngày 28/12/2011 với tài sản thế chấp cụ thể là quyền sử dụng 02 thửa đất và 02 căn nhà gắn liền trên 02 thửa đất đó do ông Nguyễn B và bà Nguyễn C đứng tên trên các Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và Giấy Chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở;
- 03 Cam kết bảo lãnh của ông Phan A, của bà Trần D, của bà Phan E được kí vào ngày 20/12/2011.

Qua nhiều lần cam kết trả nợ nhưng không thực hiện, tính đến ngày 04/04/2013, Công ty X còn nợ Ngân hàng Y tổng số tiền là 5.896.292.340 đồng, trong đó nợ gốc là 5.483.210.000 đồng và lãi tạm tính đến 04/04/2013 là 413.082.340 đồng. Với mong muốn nhanh chóng thu hồi vốn, vào ngày 08/07/2013, Ngân hàng Y đã nộp Đơn khởi kiện Công ty X tại Toà án nhân dân Quận Z, TP.HCM (sau đây gọi là "Toà Z") và đưa ra các yêu cầu như sau:

- Yêu cầu buộc Công ty X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Y.
- Trong trường hợp Công ty X không trả được nợ, Ngân hàng Y yêu cầu xử lý phát mãi tài sản bảo đảm trong Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba để thu hồi nợ.
- Trong trường hợp phát mãi các tài sản bảo đảm nêu trên vẫn không đủ để trả nợ, Ngân hàng Y yêu cầu ông Phan A, bà Trần D và bà Phan E thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đã ghi nhận trong các Cam kết bảo lãnh mà các cá nhân này đã kí.

Ngày 04/08/2014, Toà Z đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Khi biết mình và vợ là bà Nguyễn C trở thành người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện giữa Ngân hàng Y với Công ty X, ngày 08/06/2016, ông Nguyễn B đã có Bản tự khai gửi đến Toà Z. Nội dung Bản tự khai đề cập đến việc ông không phải là chủ sở hữu thật sự của các tàu kéo và sà lan, cũng như vợ chồng ông cũng không phải là chủ sở hữu thật sự của 02 thửa đất và 02 căn nhà gắn liền trên đất được đề cập trong Đơn khởi kiện. Theo ông Nguyễn B, ông và vợ chỉ đứng tên sở hữu các tài sản giùm cho một người bạn Việt kiều quốc tịch Mỹ tên là Dang T, hiện cư trú tại Mỹ. Toàn bộ số tiền để mua các tài sản trên đều do ông Dang T chuyển cho vợ chồng ông Nguyễn B thông qua tài khoản ngân hàng của bà Nguyễn C ở Việt Nam (*minh chứng sao kê chuyển tiền được đính kèm theo Bản tự khai gửi Toà Z*). Ông Nguyễn B còn cho biết thêm, chính ông Dang T đã yêu cầu ông Nguyễn B ký kết hợp đồng thế chấp các tài sản trên để đảm bảo khoản vay của Công ty X tại Ngân hàng Y bởi vì ông Dang T có hợp tác kinh doanh điện thoại với Công ty X từ năm 2010. Thông qua Bản tự khai, ông Nguyễn B khẳng định mình không phải là chủ sở hữu thật sự của các tài sản bảo đảm nói trên và mong muốn Toà Z triệu tập ông Dang T để làm rõ vấn đề.

II. Kỹ năng chọn luật áp dụng

Sinh viên lựa chọn danh mục văn bản pháp luật sẽ được sử dụng để giải quyết tình huống thực tập trên. Giải thích vì sao lựa chọn (các) văn bản đó.

Phạm vi giới hạn: pháp luật về tín dụng; pháp luật về giao dịch bảo đảm; pháp luật về lãi suất; pháp luật về dân sự, thương mại... có liên quan.






III. Kỹ năng đặt ra khi giải quyết tình huống bài tập



Sinh viên trang bị các kỹ năng về thu thập, phân tích các thông tin, tài liệu, chứng cứ; kỹ năng phản biện; kỹ năng tư vấn giải pháp pháp lý

1. Viết bài bình luận các quy định tại điểm c khoản 6 Điều 4 và tại điểm d, điểm f mục a Điều 6 Hợp đồng cấp hạn mức số 0310/11/TD được kí kết giữa Ngân hàng Y và Công ty X.
2. Với vai trò là nhân viên pháp chế của Ngân hàng Y, anh (chị) hãy giải quyết các tình huống sau:
 - a. Viết văn bản bình luận hoặc phản biện ý kiến của ông B cho rằng mình không phải chủ sở hữu thật sự của các tài sản bảo đảm (quyền sử dụng 02 thửa đất và 2 căn nhà gắn liền với đất; 01 tàu kéo và 02 sà lan) mà chỉ là đứng tên giùm ông Dang T.
 - b. Viết văn bản đề xuất thêm các phương án bổ sung cho Ngân hàng Y với phương châm thu hồi nợ một cách nhanh chóng nhất trong trường hợp Toà Z chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn B về việc triệu tập ông Dang T, vì điều này có thể làm ảnh hưởng đến quá trình thu hồi nợ của Ngân hàng Y.

3. Với vai trò là luật sư, anh (chị) hãy thực hiện những yêu cầu sau:
- a. Viết bản phân tích cách thức tính lãi của cũng như rà soát số tiền lãi phát sinh mà Ngân hàng Y đã thông báo.
 - b. Trong trường hợp ông Nguyễn B mong muốn Toà Z làm rõ mối quan hệ giữa vợ chồng ông với ông Dang T liên quan đến việc sở hữu đối với 02 thửa đất, 2 căn nhà gắn liền với đất, 01 tàu kéo và 02 sà lan được đề cập bên trên. Anh (chị) hãy: Viết bản tư vấn cho ông Nguyễn B các hệ quả có thể phát sinh khi tiếp tục yêu cầu này.
 - c. Trong Bản tự khai của ông Nguyễn B gửi Toà Z, ông Nguyễn B có đề cập "*tại buổi hoà giải gần nhất Ngân hàng Y và Công ty X có đề nghị rút lại yêu cầu bà Trần D, bà Phan E và ông Phan A phải có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ của Công ty X cho Ngân hàng Y như theo đơn khởi kiện*" và cho rằng đề nghị này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông. Anh (chị) hãy:
 - i. Tư vấn cho ông Nguyễn B về tính pháp lý của đề nghị của Công ty X rút lại yêu cầu bà Trần D, bà Phan E và ông Phan A phải có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ của Công ty X cho Ngân hàng Y.
 - ii. Viết bản tư vấn phân tích cho ông Nguyễn B hiểu bản chất pháp lý của biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản bên thứ ba với biện pháp bảo đảm bằng hình thức bảo lãnh trong trường hợp của vụ việc này.

BẢNG TÀI LIỆU, DỮ KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN SỰ VIỆC

STT	Tên tài liệu, dữ kiện	Tài liệu, dữ kiện
1	Hợp đồng cấp hạn mức số 0310/11/TD	 HĐTD.docx
2	03 Phụ lục hợp đồng: PL.01.0310/11/TD, PL.02.0310/11/TD và PL.03.0310/11/TD	 Phụ lục 01.docx  Phụ lục 02.docx  Phụ lục 03.docx
3	Đơn khởi kiện của Ngân hàng Y	 Đơn khởi kiện.docx

4	Quyết định đưa vụ án ra xét xử	 QĐ đưa vụ án ra xét xử.docx
5	Bản tự khai của ông Nguyễn B	 Bản tự khai.docx

TÌNH HUỐNG 8

I. Kỹ năng đọc, hiểu và tóm tắt tổng thuật hồ sơ, vụ việc

Sinh viên cần đọc kỹ vụ việc và các tài liệu liên quan được đưa ra và đính kèm dưới đây (sau đây gọi là "tình huống thực tập") để hiểu và nắm bắt được các nội dung chính của tình huống thực tập.

Tình huống thực tập:

Công ty TNHH một thành viên X Việt Nam (sau đây gọi là "Công ty X Việt Nam") được thành lập theo pháp luật Việt Nam vào năm 2017 với hoạt động chính là thực hiện dịch vụ tư vấn quản lý. Công ty X Việt Nam do tổ chức nước ngoài X PTE.LTD - được thành lập theo pháp luật Singapore (sau đây gọi là "Công ty X Singapore") - sở hữu 100% vốn điều lệ.

Các tài liệu đính kèm phục vụ giải quyết tình huống: Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư; Các thoả thuận vay...

II. Kỹ năng chọn luật áp dụng

Sau khi đọc xong tình huống thực tập được nêu ở phần I và III, sinh viên hãy lựa chọn danh mục văn bản pháp luật sẽ được sử dụng để giải quyết tình huống thực tập trên. Giải thích vì sao lựa chọn (các) văn bản đó.

Phạm vi giới hạn: pháp luật về tài khoản ngân hàng; pháp luật về ngoại hối; pháp luật về vay vốn; pháp luật về dân sự, kinh doanh, thương mại... có liên quan.



III. Kỹ năng đặt ra khi giải quyết tình huống bài tập





Sinh viên trang bị các kỹ năng lựa chọn luật, kỹ năng thu thập, phân tích các thông tin, tài liệu; kỹ năng tư vấn nghiệp vụ; kỹ năng tư vấn giải pháp pháp lý

1. Giả định là một nhân viên pháp chế của ngân hàng thương mại tại Việt Nam, anh (chị) hãy:

- a. Viết bản tư vấn chi tiết các trình tự thủ tục mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp để Công ty X Singapore góp vốn thành lập Công ty X Việt Nam.
- b. Soạn thảo hợp đồng vay vốn 03 tỷ đồng giữa ngân hàng và Công ty X Việt Nam, biết rằng nhu cầu vay là để bổ sung vốn lưu động.
2. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, từ tháng 11/2018 đến tháng 10/2019, Công ty X Việt Nam đã kí kết với Công ty X Singapore 04 thoả thuận vay ngắn hạn với tổng các khoản vay là 2,2 triệu đô la Mỹ nhằm mục đích bổ sung vốn thực hiện dự án đầu tư. Là nhân viên pháp chế của Công ty X Việt Nam, anh (chị) hãy:
- a. Viết bản tư vấn pháp lý cho Công ty X Việt Nam về các thủ tục cần thiết đối với các khoản vay ngắn hạn trên.
- b. Trong quá trình thực hiện các thoả thuận vay trên, Công ty X Việt Nam và Công ty X Singapore thống nhất chuyển 04 khoản vay ngắn hạn thành 04 khoản vay trung hạn, dài hạn. Cụ thể, tổng thời gian của từng khoản vay là 03 năm tính từ ngày kí kết thoả thuận vay. Anh (chị) hãy:
- i. Viết bản phân tích các điều kiện liên quan đến việc vay trung hạn, dài hạn nước ngoài mà Công ty X Việt Nam phải tuân thủ.
- ii. Viết bản tư vấn cho Công ty X Việt Nam về cách thức điều chỉnh nội dung cần thiết trong Giấy chứng nhận đầu tư để thoả mãn những điều kiện tại câu (i).
- iii. Viết bản báo phân tích thủ tục cần thực hiện cho Công ty X Việt Nam để chuyển đổi thành các khoản vay trung hạn, dài hạn như thoả thuận trên. Hãy lập danh sách các hồ sơ cần thiết để thực hiện thủ tục này.
- iv. Soạn thảo đơn theo mẫu gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục nêu tại câu (iii).

BẢNG TÀI LIỆU, DỮ KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN SỰ VIỆC

STT	Tên tài liệu, dữ kiện	Tài liệu, dữ kiện
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty X Việt Nam	 GCNDKDN.docx
2	Giấy chứng nhận đầu tư (thay đổi lần 5)	 GCNĐT5.docx

3	Thoả thuận vay 01 triệu USD tháng 11/2018	 Loan 1M.docx
4	Thoả thuận vay 700 ngàn USD tháng 01/2019	 Loan 700k.docx
5	Thoả thuận vay 350 ngàn USD tháng 03/2019	 Loan 350k.docx
6	Thoả thuận vay 150 ngàn USD tháng 10/2019	 Loan 150k.docx

3. Lĩnh Vực Luật KD bảo Hiểm

Yêu cầu: Sinh viên chọn 1 trong 6 chủ đề dưới đây để viết báo cáo thực tập với và phải đảm bảo những nội dung gợi ý sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận và đưa ra những nhìn nhận về mặt lý luận đối với những lĩnh vực thuộc nội dung gợi ý; (2 điểm)
- Phân tích các quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm về các lĩnh vực nội dung được gợi ý; (2 điểm)
- Trình bày ý kiến, quan điểm của mình về các quy định này: sự phù hợp, bất cập của pháp luật đối với các quy định này, thực trạng áp dụng pháp luật (có trích dẫn bản án hoặc các vụ việc trên thực tế để minh họa); (4 điểm)
- Đưa ra những kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật về nội dung mình lựa chọn nghiên cứu (2 điểm)

TÌNH HUỐNG 9. Về các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Theo quy định tại Điều 16 Luật Kinh doanh bảo hiểm thì điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm được hiểu là “*các trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không phải trả tiền hoặc không phải bồi thường khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra*”. Quy định về điều khoản “*loại trừ trách nhiệm bảo hiểm*” là quy định bắt buộc phải có trong hợp đồng

bảo hiểm (khoản 2 Điều 16 Luật Kinh doanh bảo hiểm) nhưng thực tế còn tồn tại một số hạn chế, vướng mắc, cụ thể như sau:

– Luật Kinh doanh bảo hiểm chỉ đề cập đến khái niệm, nguyên tắc và trường hợp ngoại lệ của điều khoản “*loại trừ trách nhiệm bảo hiểm*” mà không quy định giới hạn của các doanh nghiệp bảo hiểm khi xác định những trường hợp được loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của mình. Điều này có thể dẫn đến tình trạng doanh nghiệp bảo hiểm sử dụng quy định về các trường hợp “*loại trừ trách nhiệm bảo hiểm*” như một trong các công cụ để né tránh nghĩa vụ chi trả khoản tiền bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra.

– Luật Kinh doanh bảo hiểm không quy định về hậu quả pháp lý đối với những hợp đồng kinh doanh bảo hiểm thiếu điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. Do Luật này không quy định hậu quả pháp lý nên gây lúng túng cho các chủ thể trong hợp đồng và gây khó khăn cho Tòa án trong việc giải quyết tranh chấp khi xác định quyền và nghĩa vụ của các bên khi không thoả thuận về điều khoản loại trừ. Thực tế hiện nay tồn tại hai quan điểm khác nhau về việc xác định hậu quả pháp lý khi hợp đồng kinh doanh bảo hiểm thiếu điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm:

Quan điểm thứ nhất cho rằng, các bên thoả thuận thiếu điều khoản bắt buộc phải có trong hợp đồng thì có thể sẽ bị Tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu nếu tranh chấp đó bị khởi kiện đến Tòa án.

Quan điểm thứ hai cho rằng, hợp đồng kinh doanh bảo hiểm thiếu điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm thì cần phải xác định là hợp đồng chưa hình thành vì những điều khoản bắt buộc loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

Quan điểm thứ ba cho rằng, trong trường hợp hợp đồng không quy định thì áp dụng quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Ngoài ra, còn có sự mâu thuẫn giữa Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và Luật Kinh doanh bảo hiểm khi cùng quy định về những điều khoản loại trừ trách nhiệm của chủ thể kinh doanh dịch vụ. Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định điều khoản loại trừ như là một điều kiện để xác định sự tồn tại của hợp đồng kinh doanh bảo hiểm. Còn Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng có quy định điều kiện giao dịch chung không có hiệu lực khi “*loại trừ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng theo quy định của pháp luật*” (khoản 1 Điều 16).

Khi áp dụng các quy định của hai luật này dẫn đến hai hậu quả pháp lý hoàn toàn trái ngược nhau và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng bảo hiểm. Cụ thể, khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra trong trường hợp được loại trừ trách nhiệm bảo hiểm: Nếu áp dụng quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không phải thực hiện trách nhiệm bảo hiểm và bên mua bảo hiểm sẽ không nhận được tiền bảo hiểm. Còn áp dụng quy định của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thì doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm và bên mua bảo hiểm sẽ nhận được toàn bộ khoản tiền bảo hiểm theo thoả thuận. Thực tế, tình trạng này sẽ dẫn đến một hệ quả là hai bên trong hợp đồng kinh doanh bảo hiểm sẽ áp dụng quy định của Luật Bảo vệ người tiêu dùng và Luật kinh doanh bảo hiểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và thấy bên nào trong hợp đồng cũng đưa ra căn cứ hợp pháp, cần được pháp luật bảo vệ. Vậy trong trường hợp này luật nào cần được ưu tiên áp dụng? Ý kiến của anh (chị) về các quan điểm và sự chồng lấn trong quy định của pháp luật về các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm?

TÌNH HUỐNG 10. Xác định số tiền bồi thường bảo hiểm trong Hợp đồng bảo hiểm tài sản

Khi ký kết hợp đồng bảo hiểm, Công ty bảo hiểm và khách hàng đã thỏa thuận về giá trị tài sản được bảo hiểm, theo đó khách hàng sẽ phải đóng một khoản phí tương ứng với giá trị tài sản được bảo hiểm. Tuy nhiên khi xảy ra sự kiện bảo hiểm làm phát sinh việc chi trả tiền bồi thường thì hiện nay còn nhiều quan điểm khác nhau về việc xác định số tiền bồi thường đối với tài sản được bảo hiểm như sau:

Quan điểm thứ nhất cho rằng, theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định: “Số tiền bồi thường mà doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho người được bảo hiểm được xác định trên cơ sở giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế”. Do đó, số tiền bồi thường mà doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho người được bảo hiểm được xác định trên cơ sở giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế mà không phụ thuộc vào số tiền bảo hiểm ghi tại hợp đồng bảo hiểm.

Quan điểm thứ hai cho rằng, khi ký kết hợp đồng bảo hiểm tài sản, thông thường các doanh nghiệp bảo hiểm sẽ phải thẩm định giá trị tài sản, xét đến tính trượt giá, tăng giá của tài sản cần bảo hiểm và trên cơ sở thỏa thuận với khách hàng để thỏa thuận trị giá bảo hiểm đối với tài sản đó, tương ứng với đó thì khách hàng phải đóng một khoản phí bảo hiểm tương ứng. Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm thì giá thị trường của tài sản thấp

hơn so với giá trị được bảo hiểm nên số tiền bồi thường cho khách hàng sẽ thấp hơn giá trị bảo hiểm như hợp đồng bảo hiểm đã ký kết. Điều này là không hợp lý vì người được bảo hiểm đã phải đóng một mức phí tương ứng với giá trị tài sản được bảo hiểm và giá trị bảo hiểm đã được quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

Quan điểm của anh chị về mức trách nhiệm bồi thường của DNBH? Căn cứ vào số tiền bảo hiểm được xác định trong HĐBH hay căn cứ vào khoản 2 Điều 42, khoản 1 Điều 46 Luật Kinh doanh bảo hiểm?

TÌNH HUỐNG 11. Về quyền lợi có thể được bảo hiểm

Khoản 9 Điều 13 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định: “*Quyền lợi có thể được bảo hiểm là quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền tài sản; quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng, cấp dưỡng đối với đối tượng được bảo hiểm*”. Trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, quyền lợi có thể được bảo hiểm chính là quyền sở hữu, quyền chiếm hữu, quyền sử dụng đối với tài sản, quyền tài sản. Tuy nhiên, pháp luật kinh doanh bảo hiểm chưa có quy định về việc bên mua bảo hiểm phải có quyền lợi được bảo hiểm từ thời điểm nào. Thực tiễn phát sinh trường hợp khi ký kết hợp đồng bên mua bảo hiểm không có quyền lợi có thể được bảo hiểm nhưng sau đó lại có quyền lợi có thể được bảo hiểm thì khi phát sinh tranh chấp hợp đồng bảo hiểm đã ký kết trước đó có bị vô hiệu không?

Hiện nay vẫn còn có các quan điểm khác nhau về thời điểm bên mua bảo hiểm phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm như sau:

Quan điểm thứ nhất cho rằng, bên mua bảo hiểm phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm vì quyền lợi có thể được bảo hiểm chính là cơ sở để ký kết hợp đồng bảo hiểm.

Quan điểm thứ hai cho rằng, bên mua bảo hiểm chỉ cần chứng minh có quyền lợi có thể được bảo hiểm tại thời điểm sự kiện bảo hiểm xảy ra.

Quan điểm thứ ba cho rằng, bên mua bảo hiểm phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm ở cả hai thời điểm là thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm và tại thời điểm sự kiện bảo hiểm xảy ra.

Lập luận và quan điểm của anh (chị)?

TÌNH HUỐNG 12. Về xử lý trường hợp bên mua bảo hiểm cung cấp thông tin không trung thực

Theo quy định của pháp luật thì bên mua bảo hiểm phải cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm. Hiện nay, Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định còn chưa thống nhất việc xử lý trường hợp bên mua bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, cụ thể theo điểm a khoản 2 Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm thì Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm và thu phí bảo hiểm đến thời điểm đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm khi bên mua bảo hiểm cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết hợp đồng bảo hiểm để được trả tiền bảo hiểm hoặc được bồi thường. Tuy nhiên, điểm d khoản 1 Điều 22 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định hợp đồng bảo hiểm vô hiệu khi bên mua bảo hiểm hoặc doanh nghiệp bảo hiểm có hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng bảo hiểm. Vậy, trường hợp bên mua bảo hiểm cố ý cung cấp thông tin sai sự thật có thể coi là hành vi lừa dối để giao kết hợp đồng không? Trường hợp này có dẫn tới hậu quả là hợp đồng bảo hiểm vô hiệu không? Trường hợp bên mua bảo hiểm cung cấp thông tin không đầy đủ, trung thực thì hậu quả pháp lý là doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng hay phải xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu?

Phân tích từng quan điểm và cho biết quan điểm của anh (chị)?

TÌNH HUỐNG 13. Về tranh chấp giữa doanh nghiệp bảo hiểm với người được bảo hiểm trong trường hợp “người thứ ba gây thiệt hại”

Trong thực tiễn, có nhiều trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm sau khi trả tiền bồi thường cho người được bảo hiểm và được người được bảo hiểm chuyển quyền yêu cầu bồi thường đã căn cứ vào Điều 49 của Luật Kinh doanh bảo hiểm, nộp đơn khởi kiện người thứ ba gây thiệt hại cho người được bảo hiểm để đòi bồi thường lại số tiền bồi thường đã trả cho người được bảo hiểm. Tuy nhiên, thực tế phát sinh ba tình huống mà pháp luật chưa có quy định cụ thể.

Tình huống thứ nhất: Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường cho người được bảo hiểm nhưng **người được bảo hiểm từ chối chuyển quyền yêu cầu** hoặc **từ bỏ quyền yêu cầu người thứ ba bồi thường** theo quy định tại Điều 49 của Luật Kinh doanh bảo hiểm. Mặc dù Khoản 2 của điều luật này có quy định doanh nghiệp bảo hiểm có quyền khấu trừ số tiền bồi thường nhưng không nói rõ khấu trừ bằng cách nào trong khi doanh nghiệp bảo hiểm đã trả tiền bồi thường cho người được bảo hiểm rồi

và cũng không có quy định doanh nghiệp bảo hiểm được quyền đòi lại số tiền bồi thường đã chi trả cho người được bảo hiểm.

Tình huống thứ hai: Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường cho người được bảo hiểm và được người được bảo hiểm chuyển quyền yêu cầu nhưng sau khi khởi kiện người thứ ba để đòi bồi thường thì không được Tòa án chấp nhận toàn bộ hoặc một phần yêu cầu khởi kiện do không có tổn thất hoặc tổn thất ít hơn so với yêu cầu (bằng một bản án đã có hiệu lực). Tương tự như trên, Luật Kinh doanh bảo hiểm cũng không có quy định doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đòi người được bảo hiểm trả lại số tiền bồi thường đã chi trả cho người được bảo hiểm vượt quá mức bồi thường được Tòa án chấp nhận đối với người thứ ba hay không.

Tình huống thứ ba: trong tình huống trên Tòa án có đưa người được bảo hiểm đã chuyển quyền cho DNBH vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hay không? Nếu cho rằng doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đòi người được bảo hiểm trả lại số tiền bồi thường đã chi trả cho người được bảo hiểm thì phải đưa người được bảo hiểm đã chuyển quyền cho doanh nghiệp bảo hiểm vào tham gia tố tụng, còn nếu cho rằng doanh nghiệp bảo hiểm không có quyền này thì không cần đưa người được bảo hiểm vào tham gia tố tụng vì không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Quan điểm của anh (chị)?

TÌNH HUỐNG 14. Về nộp phí bảo hiểm

Việc nộp phí bảo hiểm liên quan trực tiếp đến những nội dung rất quan trọng như thời điểm có hiệu lực bảo hiểm; thời điểm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm. Luật kinh doanh bảo hiểm hiện nay chỉ quy định chung chung còn việc quy định cụ thể các trường hợp không nộp phí hoặc nộp phí sau khi hết hạn thanh toán thì lại do văn bản dưới luật (Thông tư của Bộ Tài chính quy định). Trong các vụ việc tranh chấp bảo hiểm liên quan đến việc nộp phí bảo hiểm không đúng hạn, Thẩm phán sẽ có nhiều cách hiểu và áp dụng pháp luật khác nhau nên các Phán quyết cũng có kết quả khác nhau về vấn đề bồi thường, đặc biệt là các trường hợp hợp đồng bảo hiểm các bên tham gia hợp đồng không thỏa thuận một cách rõ ràng, cụ thể quyền và trách nhiệm của các bên trong việc nộp phí bảo hiểm và hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm, trách nhiệm của các bên trong trường hợp vi phạm thì hậu quả pháp lý sẽ như thế nào.

- Luật Kinh doanh bảo hiểm không quy định chi tiết về các điều kiện, phương thức gia hạn nộp phí dẫn đến Thẩm phán có thể hiểu theo nghĩa có lợi cho bên được bảo hiểm là hết thời gian gia hạn Công ty bảo hiểm phải có văn bản thông báo chấm dứt thì mới được coi là hợp đồng hết hiệu lực.
- Luật Kinh doanh bảo hiểm không có quy định về thời hạn tối đa phải nộp phí trong hợp đồng, có trường hợp thời hạn nộp phí kéo dài trong thời gian khách hàng chưa nộp phí xảy ra tổn thất, công ty bảo hiểm có phải bồi thường không? Nếu có thì bồi thường toàn bộ tổn thất hay bồi thường bao nhiêu?
- Luật Kinh doanh bảo hiểm cũng không quy định cụ thể về xử lý trả lại phí khi chấm dứt hợp đồng bảo hiểm, dẫn đến khi có tranh chấp mặc dù khách hàng chỉ nộp được 1 kỳ, sau đó vi phạm không nộp nhưng khi có tổn thất vẫn đòi bồi thường (mặc dù hợp đồng bảo hiểm đã chấm dứt do không nộp phí).

Phân tích, bình luận của anh (chị) về những nội dung trên?

4. Lĩnh Vực Luật Chứng khoán

TÌNH HUỐNG 15. (*Lưu ý: Tên gọi, tỉ lệ, thành phần trong tình huống đã được đặt ngẫu nhiên mang tính giả định, mã hóa trên hồ sơ có thật*)

Công ty Cổ phần SXTM TRỌNG TÍN có dữ liệu như sau:

1. **Năm thành lập:** 2001
2. **Trụ sở chính:** Ấp III, Huyện X, Tỉnh Y
3. **Ngành nghề kinh doanh:** Bán buôn và sản xuất sản phẩm nhựa, hạt nhựa
4. **Vốn điều lệ:** 278.500.000.000 đồng
5. **Mã chứng khoán:** TTS - Niêm yết HOSE 9/2019
6. **Người đại diện theo pháp luật :** Ông Lê Hoàng Trọng - Tổng Giám Đốc
7. **Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, có các dữ liệu như sau:**
 - a. Báo cáo Tài chính năm 2019

1. Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.127.182.040.261	1.501.311.931.441
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	51	54.932.449.838	148.931.866.434
1. Tiền	111		52.932.449.838	59.212.272.387
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	89.719.594.047
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		328.727.348.767	187.006.460.274
1. Chứng khoán kinh doanh	121		59.670.020.000	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		269.057.328.767	187.006.460.274
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		481.589.108.549	779.552.821.144
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		330.279.016.842	479.273.719.421
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		86.668.673.844	81.554.513.746
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		33.060.006.849	176.863.866.500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	52	31.581.411.014	41.860.721.477
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0

IV. Hàng tồn kho	140		200.838.471.256	280.843.364.458
1. Hàng tồn kho	141	53	201.190.940.960	283.593.881.989
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-352.469.704	-2.750.517.531
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		61.094.661.851	104.977.419.131
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.570.872.873	5.176.229.554
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.188.535.749	97.097.316.318
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.335.253.229	2.703.873.259
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		622.732.261.656	779.923.783.936
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		78.957.601.207	3.613.709.467
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		75.700.000.000	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		3.257.601.207	3.613.709.467
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		420.959.240.323	419.290.076.539
1. Tài sản cố định hữu hình	221	54	407.409.714.799	405.217.155.627

- Nguyên giá	222		537.380.085.940	490.352.365.160
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-129.970.371.141	-85.135.209.533
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	
3. Tài sản cố định vô hình	227	55	13.549.525.524	14.072.920.912
- Nguyên giá	228		16.349.236.836	16.490.986.836
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-2.799.711.312	-2.418.065.924
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		0	283.305.379.311
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	283.305.379.311
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		93.559.449.802	48.380.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.179.449.802	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		78.380.000.000	48.380.000.000

VI. Tài sản dài hạn khác	260		29.255.970.324	25.334.618.619
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		29.255.970.324	25.334.618.619
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
5. Lợi thế thương mại	269		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.749.914.301.917	2.281.235.715.377
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.188.692.105.464	1.676.724.035.547
I. Nợ ngắn hạn	310		1.078.677.655.464	1.457.906.996.719
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		456.296.943.958	689.079.616.547
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		55.185.996.618	30.005.347.827
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		5.847.802.322	2.376.842.933
4. Phải trả người lao động	314		5.787.471.829	7.800.931.381
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.320.823.133	2.607.444.913
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	56	2.138.680.056	3.298.082.552
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	57	550.890.185.236	722.118.634.655

11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		209.752.312	620.095.911
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn	330		110.014.450.000	218.817.038.828
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	58	110.014.450.000	218.817.038.828
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		561.222.196.453	604.511.679.830

I. Vốn chủ sở hữu	410	59	561.222.196.453	604.511.679.830
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		278.500.000.000	278.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		278.500.000.000	278.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		54.103.900.000	54.103.900.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-337.778.069	-39.715.243
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.448.325.062	7.608.907.791
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.564.926.542	1.564.926.542
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.780.479.140	76.621.257.183
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		67.647.201.417	39.048.428.666
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		46.133.277.723	37.572.828.517
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		104.162.343.778	186.152.403.557
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0

1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.749.914.301.917	2.281.235.715.377

b. Báo cáo Tài chính năm 2018

Tài sản	Mã số	Thu yết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		622.872.088.617	557.255.650.777
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		20.040.202.806	4.129.834.848
1. Tiền	111		20.040.202.806	4.129.834.848
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		571.348.507.667	523.053.322.675
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		571.348.507.667	523.053.322.675
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.276.048.579	29.769.336.077
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		2.851.186.088	2.242.487.457
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.928.514.188	8.674.361.644
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0

4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		22.596.348.303	18.902.486.976
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-100.000.000	-50.000.000
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		0	0
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		207.329.565	303.157.177
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		207.329.565	303.157.177
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		319.352.601.194	228.251.777.057
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			

3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		56.562.013.081	60.722.985.513
1. Tài sản cố định hữu hình	221		56.562.013.081	60.722.985.513
- Nguyên giá	222		80.290.587.999	80.290.587.999
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-23.728.574.918	-19.567.602.486
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		0	0
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230		95.971.785.078	97.942.482.339
- Nguyên giá	231		133.806.860.569	129.018.304.180
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-37.835.075.491	-31.075.821.841
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.071.182.391	15.462.441.117
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			

2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		16.071.182.391	15.462.441.117
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		39.003.796.880	3.870.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		39.003.796.880	3.870.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		111.743.823.764	50.253.868.088
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		111.743.823.764	50.253.868.088
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		942.224.689.811	785.507.427.834
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		728.271.532.352	573.288.534.084
I. Nợ ngắn hạn	310		117.896.885.858	36.138.810.335
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.042.335.459	609.575.331
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		149.420.700	0

3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		30.996.906.156	1.787.940.670
4. Phải trả người lao động	314		1.172.700.000	1.991.220.256
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	11.357.374
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		25.085.500	25.058.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		84.461.926.053	18.934.237.894
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		0	12.536.168.492
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		48.511.990	243.252.318
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn	330		610.374.646.494	537.149.723.749
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		14.982.478.381	
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			

6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		595.392.168.113	537.149.723.749
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		213.953.157.459	212.218.893.750
I. Vốn chủ sở hữu	410		159.762.708.544	155.417.705.463
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			

8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.000.000.000	
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.762.708.544	35.417.705.463
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.428.005.463	4.970.538.052
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.334.703.081	30.447.167.411
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		54.190.448.915	56.801.188.287
1. Nguồn kinh phí	431		10.900.015.054	10.702.561.853
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		43.290.433.861	46.098.626.434
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		942.224.689.811	785.507.427.834

8. Công ty con/ công ty liên kết :

STT	CÔNG TY	TỈ LỆ VỐN GÓP	NGÀNH NGHỀ
1	Công ty CP TÍN THỌ	65%	Vận tải hàng hóa bằng đường biển, đường bộ nội địa

2	Công ty CP SXTM TÍN PHÁT	55%	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa
3	Công ty TNHH TÍN HÙNG (Singapore)	100%	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa

9. Đại hội đồng cổ đông bất thường

Ngày 2/01/2020, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã phát hành thư triệu tập Đại hội cổ đông vào ngày 20/02/2020 để quyết định một số vấn đề của công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Nghị quyết đại hội cổ đông vào ngày 20/02/2020 - được triệu tập và tiến hành họp lệ với 89 cổ đông đại diện cho 87% cổ phần có quyền biểu quyết tham dự, có các nội dung

11.1 **Vấn đề 1:** thông qua bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Trần Thanh Anh sinh năm 1969, theo nguyện vọng cá nhân.

Tỉ lệ biểu quyết 97% (đại diện vốn cổ phần tham dự họp) đồng ý thông qua.

11.2. **Vấn đề 2:** thông qua việc phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng quy mô vốn hoạt động, nhằm thực hiện chiến lược mở rộng thị trường của Công ty.

- Số cổ phiếu phổ thông phát hành: 15.000.000 CP
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đ
- Giá phát hành: 15.000 đồng
- Thực hiện: Giao cho Hội đồng quản trị lên kế hoạch và tiến hành các thủ tục cần thiết để Phát hành thêm cổ phiếu
- Tỉ lệ biểu quyết: 90% (đ: ại diện vốn cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp) đồng ý thông qua.

1.1. **Vấn đề 3:** thông qua việc phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng.

- Số trái phiếu chuyển đổi phát hành: 10.000.000
- Mệnh giá: 100.000 đ
- Giá phát hành: 100.000 đồng/ CK
- Tỉ lệ chuyển đổi: 1:5
- Kỳ hạn : 5 năm
- Lãi suất: 7%/năm
- Thực hiện: Giao cho Hội đồng quản trị lên kế hoạch và tiến hành các thủ tục cần thiết

- Tỷ lệ biểu quyết: 92% (đại diện vốn cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp) đồng ý thông qua.

YÊU CẦU:

1. Sinh viên đọc các dữ liệu để hiểu và nắm được các vấn đề pháp lý phát sinh tại doanh nghiệp/được yêu cầu tư vấn pháp lý/ được yêu cầu cung ứng dịch vụ của công ty chứng khoán .
2. Sinh viên xác định căn cứ pháp lý/ văn bản quy phạm pháp luật áp dụng để tư vấn/giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh cho doanh nghiệp.
3. Sinh viên đánh giá các dữ liệu đã thu thập (được cung cấp), xác định các tài liệu/ dữ kiện cần thu thập thêm/ bổ sung để giải quyết vấn đề được đặt ra.
4. Về nội dung nghiên cứu (chọn 1 trong các vấn đề sau):
 - a. Phân tích khả năng công ty chứng khoán có thể cung cấp những dịch vụ nào cho Công ty SXTM Trọng Tín. Soạn thảo Hợp đồng cung cấp dịch vụ được giao kết giữa Công chứng khoán và Công ty Trọng Tín. Phân tích và bình luận những vấn đề pháp lý của dịch vụ mà công ty Chứng khoán cung cấp.
 - b. Phân tích, bình luận về nghĩa vụ công bố thông tin của công ty Trọng Tín, từ đó có các đề xuất, kiến nghị.
 - c. Tư vấn thủ tục, trình tự, điều kiện và những vấn đề pháp lý để Công ty Trọng Tín thực hiện chào bán Trái phiếu chuyển đổi ra công chúng, xây dựng bộ hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu, phát hiện các vấn đề vướng mắc và có đề xuất/ kiến nghị.
 - d. Tư vấn thủ tục, trình tự, điều kiện và những vấn đề pháp lý để Công ty Trọng Tín thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng, xây dựng bộ hồ sơ đăng ký chào bán phát hiện các vấn đề vướng mắc và có đề xuất/ kiến nghị.

TÌNH HUỐNG 16. *(Lưu ý: Tên gọi, tỉ lệ, thành phần trong tình huống đã được đặt ngẫu nhiên mang tính giả định, mã hóa trên hồ sơ có thật)*

Công ty Cổ phần TMDV LỘC VIỆT có dữ liệu như sau:

2. Năm thành lập: 2010

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh vận tải hành khách đường thủy nội địa,
- Kinh doanh vận tải đường bộ nội địa
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn
- Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ quảng bá du lịch.

4. Vốn điều lệ: 805.933.400.000 đồng

5. Báo cáo tài chính năm 2018 và 2019 đã được kiểm toán, có các chỉ tiêu như sau:

5.1. Báo cáo tài chính 2018:

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		311.244.848.260	341.225.710.183
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.069.237.548	12.872.290.075
1. Tiền	111	0	10.069.237.548	11.872.290.075
2. Các khoản tương đương tiền	112	0	1.000.000.000	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		161.300.000.000	210.200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	0	0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	0	0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V2	161.300.000.000	210.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		111.715.296.932	94.989.855.451
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V3	676.676.000	2.190.263.700
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V4	105.859.707.746	91.358.160.920
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	0	0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	0	0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	0	0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V5a	5.178.913.186	1.441.430.831
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	0	0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	0	0	0
IV. Hàng tồn kho	140		22.965.164.006	19.215.063.551

1. Hàng tồn kho	141	V6	22.965.164.006	19.215.063.551
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	0	0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.195.149.774	3.948.501.106
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V7a	4.195.149.774	3.948.310.454
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	0	0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V13	0	190.652
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	0	0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	0	0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	0	571.407.840.544	484.469.384.670
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		8.697.500.000	10.502.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	0	0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	0	0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	0	0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	0	0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	0	0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	V5b	8.697.500.000	10.502.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	0	0	0
II. Tài sản cố định	220		499.048.657.185	444.311.464.991
1. Tài sản cố định hữu hình	221		490.337.624.493	435.976.759.327
- Nguyên giá	222	0	664.281.525.026	567.778.666.275
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	0	173.943.900.533	131.801.906.948

2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225	0	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	0	0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		8.711.032.692	8.334.705.664
- Nguyên giá	228	0	9.609.452.581	8.807.253.481
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	0	-898.419.889	-472.547.817
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
- Nguyên giá	231	0	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	0	0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		55.667.839.251	23.054.860.859
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	0	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V10	55.667.839.251	23.054.860.859
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251	0	0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	0	0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	0	0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	0	0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	0	0	0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.993.844.108	6.600.558.820
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V7b	7.993.844.108	6.600.558.820
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	0	0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	0	0	0

4. Tài sản dài hạn khác	268	0	0	0
5. Lợi thế thương mại	269	0	0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		882.652.688.804	825.695.094.853
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		19.719.978.972	20.968.898.389
I. Nợ ngắn hạn	310		19.719.978.972	20.968.898.389
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V11	4.518.615.125	4.423.308.974
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V12	2.585.800.375	3.986.132.500
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V13	1.784.086.630	4.492.066.580
4. Phải trả người lao động	314	V14	8.917.950.250	6.565.120.875
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	0	0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	0	0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	0	0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	0	0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V15	957.524.020	546.266.888
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	0	0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	0	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	0	956.002.572	956.002.572
13. Quỹ bình ổn giá	323	0	0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	0	0	0
II. Nợ dài hạn	330	0	0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331	0	0	0

2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	0	0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	0	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	0	0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	0	0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	0	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	0	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	0	0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	0	0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	0	0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	0	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	0	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	0	0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		862.932.709.832	804.726.196.464
I. Vốn chủ sở hữu	410	0	862.932.709.832	804.726.196.464
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V16	575.749.560.000	479.794.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	0	575.749.560.000	479.794.370.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	0	0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V16	11.469.923.636	11.469.923.636
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	0	0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	0	0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	0	0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	0	0	0

7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	0	0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V16	9.325.309.715	9.325.309.715
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	0	0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V16	3.108.436.572	3.108.436.572
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		263.279.479.909	301.028.156.541
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	0	133.103.811.041	301.028.156.541
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	0	130.175.668.868	0
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	0	0	0
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	0	0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431	0	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	0	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		882.652.688.804	825.695.094.853

5.2. Báo cáo tài chính 2019

Tài sản	Mã số	Thu yết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.910.143.083.908	6.002.446.092.392
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		126.712.357.050	151.166.046.586
1. Tiền	111		83.212.357.050	113.166.046.586
2. Các khoản tương đương	112		43.500.000.000	38.000.000.000

tiền				
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.649.121.082	
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.649.121.082	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.117.578.491.501	2.594.289.591.452
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		2.111.841.389.226	2.490.082.489.364
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		17.809.331.033	41.130.362.194
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		15.000.000.000	20.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		230.699.805.028	258.344.064.901
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-257.772.033.786	-215.267.325.007
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		2.491.657.293.693	3.095.850.266.799
1. Hàng tồn kho	141		2.510.580.557.610	3.097.603.898.917
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-18.923.263.917	-1.753.632.118
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		163.545.820.582	161.140.187.555

1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.013.901.700	4.337.888.606
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		156.045.557.278	156.375.635.655
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.486.361.604	426.663.294
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.615.581.142.277	1.705.255.155.341
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		1.336.095.500.010	1.406.501.311.813
1. Tài sản cố định hữu hình	221		1.064.650.128.039	1.127.988.147.310
- Nguyên giá	222		1.933.430.746.397	1.851.024.414.044
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-868.780.618.358	-723.036.266.734
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			

- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		271.445.371.971	278.513.164.503
- Nguyên giá	228		287.166.591.239	289.084.588.394
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-15.721.219.268	-10.571.423.891
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		70.967.242.364	98.069.262.745
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		70.967.242.364	98.069.262.745
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		45.272.134.620	35.552.926.922
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		39.092.134.620	35.350.926.922
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		180.000.000	202.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6.000.000.000	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		163.246.265.283	165.131.653.861
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		145.859.268.487	147.543.117.660
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn	262		17.201.373.994	17.341.039.132

lại				
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269		185.622.802	247.497.069
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.525.724.226.185	7.707.701.247.733
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.899.481.367.849	5.192.635.087.807
I. Nợ ngắn hạn	310		3.873.276.528.099	5.012.855.709.133
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.519.390.744.580	1.508.854.401.068
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		40.310.539.064	24.521.091.716
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		138.605.059.037	162.065.363.799
4. Phải trả người lao động	314		22.886.356.500	55.719.957.632
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		59.051.680.946	164.141.921.087
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		938.863.637	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		55.055.974.468	50.926.308.431
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		1.969.954.583.531	3.000.025.220.303
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		67.082.726.336	46.601.445.097
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		26.204.839.750	179.779.378.674
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		1.380.000.000	1.380.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			150.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		24.824.839.750	28.399.378.674
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.626.242.858.336	2.515.066.159.926
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.626.242.858.336	2.515.066.159.926

1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		805.933.400.000	805.933.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		805.933.400.000	805.933.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		278.073.000.000	278.073.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		775.730.258	900.453.276
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		739.618.129.883	756.621.901.510
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		78.352.070.802	83.424.176.921
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		694.027.490.988	564.174.970.280
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		362.636.462.085	152.602.574.840
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		331.391.028.903	411.572.395.440
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		29.463.036.405	25.938.257.939
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			

1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.525.724.226.185	7.707.701.247.733

6. Giao dịch làm thay đổi cổ đông công ty

Trong quá trình hoạt động, các cổ đông đã tiến hành chuyển nhượng cổ phiếu. Căn cứ vào các thỏa thuận chuyển nhượng và yêu cầu điều chỉnh danh sách cổ đông trong sổ cổ đông và giấy chứng nhận cổ phần, đến ngày 28/12/2020 số cổ đông của công ty được ghi nhận điều chỉnh từ 98 cổ đông thành 121 cổ đông (không có cổ đông nào là nhà đầu tư chuyên nghiệp).

7. Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Ngày 2/01/2020, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã phát hành thư triệu tập Đại hội cổ đông vào ngày 20/02/2020 để quyết định một số vấn đề của công ty thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Nghị quyết đại hội cổ đông vào ngày 20/02/2020 - được triệu tập và tiến hành họp lệ với 89 cổ đông đại diện cho 87% cổ phần có quyền biểu quyết tham dự, có các nội dung

7.1. **Vấn đề 1:** thông qua việc thành lập công ty con với một số nội dung như sau

- Tên công ty: Công ty TNHH MTV NÔNG NGHIỆP LỘC VIỆT
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng
- Tài sản góp vốn: 100% tiền mặt
- Lĩnh vực hoạt động: Hoạt động dịch vụ trồng trọt, hoạt động dịch vụ sau thu hoạch, trồng rừng và chăm sóc rừng và ươm giống cây trồng.
- Đại diện 100% vốn chủ sở hữu của Công ty CPTMDV Lộc Việt : Ông Hoàng Văn Lộc.
- Giao cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án thành lập và tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký thành lập Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Lộc Việt.

- Tỷ lệ biểu quyết 92% (đại diện vốn cổ phần tham dự họp) đồng ý thông qua.

7.2. **Vấn đề 2:** thông qua việc niêm yết toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Công ty CP TMDV Lộc Việt.

- Đăng ký mã CK: LVS
- Niêm yết tại : Sở giao dịch chứng khoán TPHCM
- Thời gian : sau khi có kết quả kiểm toán BCTC 2019.
- Thực hiện: Giao cho Hội đồng quản trị lên kế hoạch và tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện niêm yết Cổ phiếu LVS.
- Tỷ lệ biểu quyết: 97% (đại diện vốn cổ phần có quyền biểu quyết tham dự họp) đồng ý thông qua.

8. Danh sách cổ đông hiện hữu tính đến 29/2/2020: là 131 cổ đông, trong đó có các cổ đông đặc biệt như sau như sau

STT	Họ tên	Chức vụ	Phần trăm nắm giữ Cp phổ thông(%)	Số lượng được giao dịch(%)	Trạng thái
1	Hoàng Văn Lộc	Thành viên HĐQT	0,2	100%	Hoạt động
2	Phan Thanh Hoa	Thành viên ban kiểm soát	0,3	100%	Hoạt động
3	Phạm Hồng Hà	Thành viên HĐQT	1,0	100%	Hoạt động
4	Blue Ocean Private Equity (Singapore) Pte. Ltd		8,0	100%	Hoạt động
5	Nguyễn Thanh San	Kế toán trưởng	0.02	100%	Hoạt động
6	Lê Thu Thu	Thành viên ban kiểm soát	0,1	100%	Hoạt động
7	Huỳnh Ba Nông	Thành viên ban kiểm soát	0,4	100%	Hoạt động
8	Lê Hồng Phước	Phó chủ tịch HĐQT	0,7	100%	Hoạt động
9	Nguyễn Danh Hòa	Phó chủ tịch HĐQT	0,05	100%	Hoạt động
10	Trần Nhật Quốc	Thành viên HĐQT	1.2	100%	Hoạt động
11	Nguyễn Thị Thanh Mai	Thành viên HĐQT	0,8	100%	Hoạt động

12	Marina Aqua Pte. Ltd		25,0	100%	Hoạt động
13	Ủy Ban nhân dân tỉnh C - đại diện ông Nguyễn Thượng Duy	Chủ tịch HĐQT	24,0	100%	Hoạt động
14	Viet Cooperate Fund Limited		6,0	100%	Hoạt động
15	Trần Mạnh Lân	Trưởng ban kiểm soát	0,12	100%	Hoạt động

9. Giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu LVS sau ngày 29/02/2020

9.1. 10/3/2020: Ông Trần Mạnh Lân (Trưởng Ban Kiểm soát) chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần đang nắm giữ cho Bà Lê Phạm Hoàng Ngân.

9.2. 13/3/2020: Ông Trần Nhật Quốc (Thành viên HĐQT) chuyển nhượng toàn bộ cổ phần hiện đang nắm giữ cho Viet Cooperate Fund Limited.

YÊU CẦU:

5. Sinh viên đọc các dữ liệu để hiểu và nắm được các vấn đề pháp lý phát sinh tại doanh nghiệp/được yêu cầu tư vấn pháp lý/ được yêu cầu cung ứng dịch vụ của công ty chứng khoán .

6. Sinh viên xác định căn cứ pháp lý/ văn bản quy phạm pháp luật áp dụng để tư vấn/giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh cho doanh nghiệp.

7. Sinh viên đánh giá các dữ liệu đã thu thập (được cung cấp), xác định các tài liệu/ dữ kiện cần thu thập thêm/ bổ sung để giải quyết vấn đề được đặt ra.

8. Về nội dung nghiên cứu (chọn 1 trong các vấn đề sau):

a. Xác định, phân tích và bình luận các vấn đề pháp lý liên quan đến sự kiện làm thay đổi số lượng cổ đông của công ty. Đưa ra các tư vấn pháp lý và khuyến nghị đối công ty Lộc Việt nói riêng và công ty đại chúng nói chung.

b. Phân tích khả năng công ty chứng khoán có thể cung cấp dịch vụ chứng khoán cho Công ty Lộc Việt. Soạn thảo Hợp đồng cung cấp dịch vụ được giao kết giữa Công ty chứng khoán và Công ty Lộc Việt. Phân tích và bình luận những vấn đề pháp lý của dịch vụ mà công ty Chứng khoán cung cấp.

c. Phân tích, bình luận về nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng/cổ đông nội bộ trong tình huống xảy ra tại doanh nghiệp, từ đó có các đề xuất, kiến nghị.

d. Tư vấn thủ tục, trình tự, điều kiện thực hiện niêm yết chứng khoán cho công ty Lộc Việt, xây dựng bộ hồ sơ đăng ký niêm yết cho Công ty Lộc Việt, phát hiện các vướng mắc và có các đề xuất/ kiến nghị để giải quyết (nếu có).

TÌNH HUỐNG 17: (Lưu ý: Tên gọi, tỉ lệ, thành phần trong tình huống đã được đặt ngẫu nhiên mang tính giả định, mã hóa trên hồ sơ có thật)

“Tranh chấp hợp đồng dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán”, giữa:

Nguyên đơn:

Công ty cổ phần ANPHA

Trụ sở: ...

Do ông Nguyễn Cương - Chủ tịch HĐQT làm đại diện theo pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền ông Phạm Nguyên Hoàng - Cán bộ Công ty (theo giấy ủy quyền lập ngày 21/8/2012).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Vũ Thị Kim Ngọc - Văn phòng Luật sư Hưng Giang - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty cổ phần ô tô Giải Phóng.

Bị đơn:

Công ty cổ phần chứng khoán BETA

Trụ sở: ...

Do ông Hoàng Đình Lợi - Tổng giám đốc làm đại diện theo pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền ông Vũ Đức Tiến - Phó Tổng giám đốc kiêm Chánh văn phòng Hội đồng quản trị (theo giấy ủy quyền lập ngày 27/7/2012).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện của Công ty cổ phần ANPHA ngày 25/08/2015; các lời khai của nguyên đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đã trình bày tại Tòa án có nội dung như sau:

Ngày 15/04/2014 Công ty cổ phần ANPHA và Công ty chứng khoán BETA đã ký Hợp đồng dịch vụ bảo lãnh phát hành cổ phiếu số 01/2014/HĐBL – BETA. Theo đó:

Công ty BETA nhận trách nhiệm thực hiện các công việc liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phù hợp với tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của BETA và nhận bảo lãnh phát hành cổ phiếu cho BETA.

Phương thức bảo lãnh: cam kết chắc chắn.

Trên cơ sở đó, ngày 14/06/2014 Công ty cổ phần ANPHA và Công ty BETA ký “Cam kết bảo lãnh” phát hành cổ phiếu của Công ty cổ phần ANPHA với nội dung:

Công ty cổ phần chứng khoán BETA nhận bảo lãnh phát hành cổ phiếu theo phương thức cam kết chắc chắn và kết thúc thời hạn chào bán theo quy định của pháp luật; với giá 15.000/cổ phần.

Thời hạn phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký phát hành do Ủy Ban chứng khoán nhà nước cấp.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết hạn thu tiền của cổ đông hiện hữu, Công ty chứng khoán BETA sẽ thanh toán cho Công ty cổ phần ANPHA đầy đủ số tiền mua cổ phần bảo lãnh và ANPHA có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty BETA số tiền mà BETA được hưởng theo Hợp đồng bảo lãnh phát hành mà hai bên đã ký kết và một số điều khoản khác.

Quá trình thực hiện cam kết:

Thực hiện theo Hợp đồng dịch vụ số 01/2014/HĐBL-BETA, BETA đã hỗ trợ và cùng với ANPHA lập hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng và được Ủy Ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 36/UBNCK-GCN ngày 20/12/2014. Nội dung giấy chứng nhận xác định: Công ty cổ phần ANPHA được đăng ký chào bán ra công chúng 9.000.000 cổ phiếu; trong đó 5.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; 4.000.000 cổ phiếu cho nhà đầu tư bên ngoài.

Thời hạn phân phối: 90 ngày (kể từ ngày cấp giấy chứng nhận).

Trên cơ sở giấy chứng nhận chào bán cổ phần này, thực hiện cam kết bảo lãnh phát hành cổ phiếu giữa Công ty ANPHA và Công ty BETA: Công ty BETA đã tiến hành chào bán cổ phần của Công ty ANPHA ra thị trường với đầy đủ các bước chào bán theo quy định.

Tuy nhiên, hết thời hạn phân phối theo giấy chứng nhận số 36/UBNCK-GCN nhưng số cổ phiếu được bán cho cổ đông hiện hữu chỉ có 3.000.000 cổ phiếu và 1.000.000 cổ phiếu phát hành cho nhà đầu tư bên ngoài.

Như vậy, số cổ phiếu chào bán hiện hữu còn lại không được phân phối hết là 5.000.000 cổ phiếu.

Căn cứ vào “Cam kết bảo lãnh” ngày 14/06/2014 giữa Công ty ANPHA và Công ty BETA, Công ty ANPHA đã rất nhiều lần trực tiếp và bằng văn bản yêu cầu Công ty BETA thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phát hành nhưng đến thời điểm này Công ty BETA vẫn không thực hiện.

Sau đó, ANPHA đã có văn bản đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước can thiệp, đưa ra hướng giải quyết vụ việc nêu trên. Ngày 02/08/2015 UBCK nhà nước có công văn số 53/UBCK-TT cho rằng ANPHA cần tiến hành giải quyết tranh chấp với Công ty BETA tại Tòa án theo Hợp đồng và cam kết bảo lãnh ký kết giữa hai bên.

Do vậy, Công ty cổ phần ANPHA đã kiện BETA ra tòa nhằm giải quyết vụ việc theo trình tự thủ tục giải quyết vụ án kinh doanh thương mại với yêu cầu cam kết trong bảo lãnh phát hành theo Cam kết bảo lãnh ngày 14/06/2014. Cụ thể:

1/ Công ty BETA có trách nhiệm phải mua toàn bộ số cổ phần chào bán còn lại chưa phân phối hết với mức giá 15.000/cổ phần:

$5.000.000 \text{ cổ phiếu} \times 15.000/\text{cổ phiếu} = 75.000.000.000$ (bảy mươi lăm tỷ đồng).

2/ Yêu cầu Công ty BETA có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại do lỗi vi phạm cam kết – Công ty BETA đã đẩy Công ty ANPHA vào tình trạng ngừng trệ sản xuất, gia tăng nợ lãi ngân hàng..., gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty ANPHA.

Tại phiên tòa: ANPHA và luật sư của ANPHA vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên.

Ý kiến của công ty cổ phần chứng khoán BETA và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ngày 15/04/2014 Công ty cổ phần ANPHA và Công ty chứng khoán BETA đã ký Hợp đồng dịch vụ bảo lãnh phát hành cổ phiếu số 01/2014/HĐBL – BETA. Trên cơ sở đó, ngày 14/06/2014 Công ty cổ phần ANPHA và Công ty BETA ký “Cam kết bảo lãnh” phát hành cổ phiếu của Công ty cổ phần ANPHA.

Ngày 20/12/2014, ANPHA được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số: 36/UBCKNN-GCN. Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến hết ngày 21/03/2015.

Đầu tháng 04/2015, ANPHA yêu cầu BETA thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Tuy nhiên, đến thời điểm này đã hết hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. Do vậy, BETA không có căn cứ pháp lý để thực hiện yêu cầu của ANPHA.

Ngày 25/08/2015, ANPHA khởi kiện BETA tại Tòa án nhân dân quận yêu cầu BETA phải mua lại toàn bộ số cổ phần mà ANPHA không bán hết là 5.000.000 cổ phiếu x 15.000/cổ phiếu = 75.000.000.000 (bảy mươi lăm tỷ đồng), đồng thời yêu cầu BETA phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do lỗi vi phạm cam kết.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ của tòa án, BETA trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của ANPHA là BETA không thể thực hiện cam kết bảo lãnh mà hai bên đã ký ngày 14/06/2014 vì thời gian hết hạn phát hành chứng khoán của ANPHA là ngày 21/03/2015 nhưng đến tháng 04/2015 thì ANPHA mới yêu cầu BETA mua lại số cổ phần chưa bán hết.

Tại phiên tòa: BETA thừa nhận giữa ANPHA và BETA có ký hợp đồng bảo lãnh phát hành chứng khoán và cam kết bảo lãnh như ANPHA trình bày.

Theo đó, khi phát hành cổ phiếu, ANPHA phải có nghĩa vụ theo dõi tình hình và kết quả thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu. ANPHA phải có nghĩa vụ thông báo kết quả chào bán cổ phiếu cho bên bảo lãnh phát hành. Phía ANPHA có nghĩa vụ cung cấp các thông tin cần thiết để BETA thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết. BETA không có nghĩa vụ phải phối hợp với ANPHA để nắm bắt thông tin về kết quả chào bán cổ phiếu. Chỉ có hai đơn vị là tổ chức phát hành (ANPHA) và Trung tâm lưu ký chứng khoán mới có được thông tin về kết quả việc chào bán cho cổ đông hiện hữu, Vì vậy trong thời hạn của giấy phép thì bên ANPHA phải có nghĩa vụ thông báo cho BETA về nghĩa vụ bảo lãnh (nếu có) theo cam kết. Do vậy, BETA không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ANPHA vì BETA cho rằng ANPHA yêu cầu BETA phải mua lại cổ phiếu không bán hết ngoài thời hạn ANPHA được phát hành cổ phiếu theo giấy phép phát hành cổ phiếu mà UBCK Nhà nước cấp cho ANPHA. BETA đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ANPHA.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán là đúng thẩm quyền. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên vụ án còn vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử theo quy định tại điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ những quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng từ khi khai mạc phiên tòa, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, giải quyết hết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các ý kiến phản bác của bị đơn. Việc người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai tại Tòa án, các đương sự đều đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng nên việc Tòa án xét xử vắng mặt ông Vinh là đúng quy định của pháp luật.

XÉT THẤY

Sau khi nghe lời trình bày, cũng như tranh luận của các đương sự và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 25/08/2015, Công ty cổ phần ANPHA nộp đơn khởi kiện Công ty cổ phần chứng khoán BETA về Tranh chấp hợp đồng dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán. Đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại. Căn cứ điểm m khoản 1 điều 29, điều 33, điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận ... thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về thời hiệu khởi kiện: Tháng 4/2015 giữa ANPHA và BETA tranh chấp về nghĩa vụ bảo lãnh thì đến tháng 8/2015 ANPHA khởi kiện. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ điều 319 Luật Thương mại 2005 thể hiện Công ty cổ phần ANPHA khởi kiện vụ án khi thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

2. Về nội dung tranh chấp:

Khi nộp đơn khởi kiện ANPHA kiện BETA hai nội dung đó là:

Công ty BETA có trách nhiệm phải thực hiện trách nhiệm bảo lãnh của mình: mua 5.000.000 cổ phần x 15.000/cổ phần = 75.000.000.000 (bảy mươi lăm tỷ đồng).

Yêu cầu Công ty BETA có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại do lỗi vi phạm cam kết.

Quá trình Hội đồng xét xử hỏi tại phiên tòa các bên đương sự đều xác nhận hình thức, nội dung, thẩm quyền ký kết Hợp đồng dịch vụ tư vấn và bảo lãnh phát hành cổ phiếu số 01/2014/HĐBL-BETA ngày 15/4/2014 và Cam kết bảo lãnh phát hành cổ phiếu được ký ngày 15/06/2014 giữa Công ty cổ phần ANPHA và Công ty cổ phần chứng khoán BETA là phù hợp quy định của pháp luật.

Căn cứ vào điều 111, 116 Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty ANPHA và Công ty BETA, HĐQT công nhận Hợp đồng dịch vụ bảo lãnh phát hành cổ phiếu số 01/2014/HĐBL-BETA ngày 15/4/2014 và Cam kết bảo lãnh phát hành cổ phiếu được ký ngày 15/06/2014 giữa Công ty cổ phần ANPHA và Công ty cổ phần chứng khoán BETA là đúng quy định của pháp luật và điều lệ của hai công ty.

Tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận hai bên đều thực hiện đúng những quy định tại hợp đồng, quá trình thực hiện không xảy ra tranh chấp, chỉ đến khi Công ty ANPHA phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu không hết nên yêu cầu BETA thực hiện việc cam kết bảo lãnh theo thỏa thuận trong cam kết, do BETA từ chối nghĩa vụ nên đã nảy sinh tranh chấp giữa hai bên mà không tự giải quyết được.

Nay Công ty ANPHA buộc BETA phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với số cổ phiếu là 5.000.000 cổ phiếu x 15.000/cổ phần = 75.000.000.000đ.

Về phía BETA không chấp nhận với lý do:

Tại Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 36/UBCKNN-GCN ngày 20/12/2014 do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp cho Công ty ANPHA thì đến ngày 21/03/2015 là hết đợt phát hành chào bán cổ phiếu, đến tháng 04/2015 ANPHA mới thông báo cho BETA yêu cầu thực hiện cam kết bảo lãnh thì thời hạn theo Giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu đã hết, BETA không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình.

Vì những lý do đó BETA không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ANPHA.

Về ý kiến của bị đơn; HĐQT thấy rằng:

Theo quy định pháp luật thì cam kết bảo lãnh theo hình thức chắc chắn là BETA phải mua toàn bộ cổ phiếu phát hành còn lại (của doanh nghiệp) chưa được phân phối hết khi đã thực hiện đầy đủ các bước chào bán cần thiết theo phương án phát hành.

Tại thỏa thuận trong Cam kết bảo lãnh phát hành cổ phiếu được ký giữa ANPHA và BETA có quy định phương thức bảo lãnh: Bên bảo lãnh nhận phát hành cổ phiếu theo phương thức, bên bảo lãnh cam kết mua toàn bộ số cổ phần chào bán còn lại không được phân phối hết sau khi đã thực hiện đầy đủ các bước chào bán theo phương thức phát hành và kết thúc thời hạn chào bán theo quy định của pháp luật với mức giá 15.000/cổ phần; như vậy có thể hiểu về phía trách nhiệm của bên bảo lãnh (BETA) đã cam kết với ANPHA là sẽ mua lại toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không được phân phối hết; căn cứ tài liệu có trong hồ sơ và xác nhận của hai bên thì đến ngày 21/03/2015 kết thúc thời hạn ANPHA được phát hành cổ phiếu thì ANPHA mới bán được 4.000.000 cổ phiếu, còn lại 5.000.000 cổ phiếu chưa được phân phối hết. Như vậy theo những điều khoản viện dẫn ở trên mà hai bên đã ký trong Hợp đồng và Cam kết bảo lãnh thì công ty BETA phải thực hiện nghĩa vụ cam kết bảo lãnh mua lại số cổ phiếu của ANPHA chưa được phân phối hết cho cổ đông hiện hữu.

Tuy nhiên căn cứ vào nội dung của Hợp đồng dịch vụ bảo lãnh phát hành cổ phiếu số 01 ngày 15/04/2014 có quy định về phạm vi công việc tại hợp đồng không bao gồm các công việc và chi phí phát sinh sau khi việc phát hành đã kết thúc theo đúng thời hạn cuối cùng trong phương án phát hành và báo cáo kết quả phát hành đã được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận. Với quy định này thì hai bên cần phải xác định rõ với nhau đó là những công việc gì, thời hạn cam kết bảo lãnh có nằm trong thời

hạn quy định của điều này không, nhưng do hai bên đã không xác định rõ nên lỗi dẫn đến việc hiểu không thống nhất thời hạn phải thực hiện cam kết.

Mặt khác, do hai bên đều có lời khai trong quá trình phát hành cổ phiếu hai bên đều không thể biết được số cổ phiếu đã bán là bao nhiêu, chỉ đến khi Trung tâm lưu ký chứng khoán tổng hợp danh sách các cổ đông đã mua và thông báo lại cho ANPHA và ANPHA báo lại cho BETA thì lúc đó BETA mới biết được số lượng cổ phiếu của ANPHA đã bán cho cổ đông hiện hữu. Bởi vậy lỗi của hai bên là không thường xuyên cập nhật thông tin tại Trung tâm lưu ký chứng khoán để biết được kết quả số lượng cổ phiếu của ANPHA đã được bán cho cổ đông hiện hữu của ANPHA. Tuy nhiên theo các tài liệu thể hiện ANPHA là tổ chức phát hành nên phải biết rõ hơn số lượng cổ phiếu của mình được bán ra do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp. Vì vậy khi thời hạn mua cổ phiếu của các cổ đông hiện hữu chấm dứt vào ngày 21/03/2015 thì ANPHA cần thông báo cho BETA biết để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình.

Từ phân tích trên HĐXX thấy rằng, về hình thức nội dung Hợp đồng và Cam kết bảo lãnh phát hành cổ phiếu được ký giữa ANPHA và BETA là đúng quy định pháp luật Chứng khoán, hai bên chỉ tranh chấp việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Qua phân tích thì thấy cả hai bên đều có lỗi trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình nhưng do ANPHA đã không chủ động nắm bắt số lượng cổ phiếu không bán hết để báo cho BETA thực hiện nghĩa vụ khi thời hạn phát hành vẫn còn nên ANPHA phải chịu 70% lỗi, BETA phải chịu 30% lỗi với số lượng cổ phiếu không bán được là 5.000.000 cổ phiếu. Với 30% lỗi thì BETA phải có trách nhiệm thực hiện phần cam kết bảo lãnh của mình là phải mua 1.500.000 cổ phiếu của ANPHA với giá 15.000đ/cổ phần = 22.500.000.000đ. Đây là giá trị số lượng cổ phần của ANPHA mà BETA phải thực hiện nghĩa vụ cam kết bảo lãnh.

Các yêu cầu khác của hai bên đương sự không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

Về án phí KDTM sơ thẩm theo quy định của pháp luật, BETA phải chịu án phí đối với phần giá trị cổ phần phải thực hiện cam kết bảo lãnh, ANPHA phải chịu án phí đối với phần giá trị yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

Bởi các lẽ trên;

Áp dụng:

- Điểm m khoản 1 điều 29, điểm b khoản 1 điều 33, điều 243, 245 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2005, sửa đổi bổ sung năm 2011;
- Khoản 14, 22 điều 6 Luật Chứng khoán;
- Điều 319 Luật Thương mại 2005;
- Điều 6, điều 7, điều 9 và điều 30 luật Thi hành án
- Pháp lệnh số về án phí lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TATC-V KSNDTC- BTP- BTC hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần ANPHA đối với Công ty cổ phần BETA;

Buộc Công ty cổ phần chứng khoán BETA phải thực hiện một phần cam kết bảo lãnh phát hành cổ phiếu của Công ty cổ phần ANPHA với nghĩa vụ thực hiện việc bảo lãnh với số lượng cổ phiếu là 1.500.000 cổ phiếu có giá trị là 22.500.000đ (hai mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Hai bên thực hiện việc chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của pháp luật Chứng khoán:

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm...

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, nếu không thỏa thuận được thì bên được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành bản án đối với bên bị thi hành án.

Kể từ ngày có đơn xin thi hành án, bên phải thi hành án phải chịu tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Thời hạn yêu cầu Thi hành án là 05 năm theo điều 30 Luật Thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt hai bên đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Yêu cầu:

- i) Hãy xác định những văn bản pháp lý cần thiết để giải quyết vụ việc trên?*
- ii) Hãy xác định các phương thức bảo lãnh phát hành chứng khoán hiện đang áp dụng và ưu nhược điểm của từng phương thức đó?*
- iii) Hãy soạn thảo thư tư vấn cho Công ty ANPHA về dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán?*
- iv) Hãy trình bày cơ bản hồ sơ chuẩn bị để đăng ký với Ủy ban chứng khoán Nhà nước để phát hành chứng khoán ra công chúng?*
- v) Hãy soạn thảo hợp đồng bảo lãnh phát hành chứng khoán, Cam kết bảo lãnh phát hành chứng khoán?*
- vi) Tại sao trong vụ việc, các bên đã ký hợp đồng bảo lãnh phát hành chứng khoán còn cần phải ký Cam kết bảo lãnh phát hành chứng khoán?*
- vii) Hãy cho biết ý kiến cá nhân về luận điểm của các bên trong vụ việc?*

